



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 08 + 09

Ngày 31 tháng 03 năm 2022

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HĐND TỈNH

16/03/2022	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 26/2022/NQ-HĐND quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La	5
16/03/2022	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 27/2022/NQ-HĐND bãi bỏ Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 11/8/2021 của HĐND tỉnh kéo dài thời gian áp dụng đối với 2 Nghị quyết của HĐND tỉnh về quy định mức học phí đến hết năm học 2021 - 2022	9
16/03/2022	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 28/2022/NQ-HĐND quy định mức dịch vụ xét nghiệm SARS-COV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh quản lý	11
16/03/2022	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 29/2022/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ; công nhận giống cây trồng mới trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2030	14

UBND TỈNH

27/01/2022	Quyết định của UBND tỉnh số 03/2022/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một nội dung tại Quy chế quản lý kinh phí và mức chi cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh Sơn La	16
23/02/2022	Quyết định của UBND tỉnh số 04/2022/QĐ-UBND bãi bỏ một phần Quyết định số 46/2020/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 về việc ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực lưu trữ trên địa bàn tỉnh Sơn La	19
02/03/2022	Quyết định của UBND tỉnh số 05/2022/QĐ-UBND về việc bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La	21
09/03/2022	Quyết định của UBND tỉnh số 06/2022/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp tỉnh và giao nhiệm vụ mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Sơn La	23
10/03/2022	Quyết định của UBND tỉnh số 07/2022/QĐ-UBND ban hành Quy chế khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng trên địa bàn tỉnh Sơn La	25

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HĐND TỈNH

20/01/2022	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 67/NQ-HĐND về việc điều chỉnh, phân bổ chi tiết (đợt 2) một số nguồn vốn ngân sách địa phương kế hoạch đầu tư công năm 2022	36
20/01/2022	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 68/NQ-HĐND Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh	44

20/01/2022	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 69/NQ-HĐND về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Kè chống sạt lở bờ suối Vạt bảo vệ thị trấn Yên Châu huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (giai đoạn II)	48
20/01/2022	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 70/NQ-HĐND thông qua danh mục bổ sung dự án nhà nước thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện năm 2022; Điều chỉnh, bổ sung diện tích; điều chỉnh thời gian thực hiện thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất các công trình dự án đã được HĐND tỉnh thông qua	50
20/01/2022	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 71/NQ-HĐND về việc thông qua hoàn trả cải cách tiền lương ngân sách tỉnh từ nguồn kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện diễn tập khu vực phòng thủ năm 2021	57
16/03/2022	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 72/NQ-HĐND về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2021 sang năm 2022	59
16/03/2022	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 73/NQ-HĐND về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách tỉnh (đợt 3)	69
16/03/2022	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 74/NQ-HĐND về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh (đợt 3)	72
16/03/2022	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 75/NQ-HĐND về việc thông qua nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu du lịch sinh thái dọc Quốc lộ 43 (đoạn từ thị trấn Mộc Châu đến thác Dải Yếm), huyện Mộc Châu	75

16/03/2022	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 76/NQ-HĐND bổ sung danh mục cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án năm 2022; điều chỉnh, diện tích, loại đất; điều chỉnh thời gian thực hiện thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất các công trình dự án đã được HĐND tỉnh thông qua	82
16/03/2022	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 77/NQ-HĐND về việc đổi tên bản Lằm thành bản Lằm Cút, xã Mường Bon huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	86
16/03/2022	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 78/NQ-HĐND về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La	87

UBND TỈNH

25/01/2022	Quyết định của UBND tỉnh số 161/QĐ-UBND về việc bỏ căn cứ pháp lý và đính chính Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sơn La	102
09/02/2022	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 04/CT-UBND về việc đôn đốc thực hiện hiệu quả nhiệm vụ sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022	104
07/03/2022	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 06/CT-UBND về việc tăng cường công tác quản lý quy hoạch, phát triển đô thị và trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La	114

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2022/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 16 tháng 3 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội
đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số 12/TTr-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 197/BC-VHXXH ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội của HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Sơn La, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng; nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng; trợ giúp xã hội khẩn cấp và chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La.

3. Mức chuẩn trợ giúp xã hội: Mức chuẩn trợ giúp xã hội là 360.000 đồng/tháng.

4. Mức trợ giúp xã hội

a) Mức trợ cấp xã hội hàng tháng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Khoản 3 Điều này nhân với hệ số tương ứng quy định tại Khoản 1, Điều 6 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

b) Hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng cho mỗi đối tượng quy định tại Khoản 1, Điểm d Khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Khoản 3 Điều này nhân với hệ số tương ứng quy định tại Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

c) Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng cho mỗi đối tượng quy định tại Khoản 6 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Khoản 3 Điều này nhân với hệ số tương ứng quy định tại Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

d) Mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng cho mỗi đối tượng quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 24 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP sống tại cơ sở trợ giúp xã hội bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Khoản 3 Điều này nhân với hệ số tương ứng theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

e) Mức trợ giúp xã hội khẩn cấp

- Hỗ trợ lương thực: Hỗ trợ 15 kg gạo/người/tháng trong thời gian 01 tháng cho mỗi đợt hỗ trợ đối với các đối tượng thuộc hộ thiếu đói dịp Tết Nguyên Đán. Hỗ trợ 15 kg gạo/người/tháng, hỗ trợ không quá 03 tháng cho mỗi đợt hỗ trợ cho đối tượng thiếu đói do thiên tai, hỏa hoạn, mất mùa, giáp hạt hoặc lý do bất khả kháng khác.

- Hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng do thiên tai, hỏa hoạn; tai nạn giao thông, tai nạn lao động nghiêm trọng hoặc lý do bất khả kháng khác tại nơi cư

trú và ngoài nơi cư trú được xem xét hỗ trợ với mức bằng 10 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Khoản 3 Điều này.

- Hỗ trợ chi phí mai táng:

+ Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP với mức bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Khoản 3 Điều này.

+ Hỗ trợ chi phí mai táng phí đối với đối tượng quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 24 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Khoản 3 Điều này.

+ Hộ gia đình có người chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh; tai nạn giao thông, tai nạn lao động nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác được xem xét hỗ trợ chi phí mai táng với mức bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Khoản 3 Điều này.

+ Cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức mai táng cho người chết do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh; tai nạn giao thông, tai nạn lao động nghiêm trọng hoặc lý do bất khả kháng khác không có người nhận trách nhiệm tổ chức mai táng thì được xem xét hỗ trợ chi phí mai táng bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Khoản 3 Điều này.

- Hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở:

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không còn nơi ở thì được xem xét hỗ trợ chi phí làm nhà ở với mức 40.000.000 đồng/hộ.

+ Hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác được xem xét hỗ trợ chi phí di dời nhà ở với mức 30.000.000 đồng/hộ.

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng nặng do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không ở được thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức 20.000.000 đồng/hộ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các tổ đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 16 tháng 3 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch Nước; Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế: Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- TT HĐND; UBND; UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, Đoàn thể của tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, ĐDBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường, thị trấn;
- Các Trung tâm: Thông tin tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT. Bắc (450b).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2022/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 16 tháng 3 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Bãi bỏ Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 11/8/2021
của HĐND tỉnh kéo dài thời gian áp dụng đối với 02 Nghị quyết
của HĐND tỉnh về quy định mức học phí đến hết năm học 2021 - 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP
ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính
phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống
giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá
dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Xét Tờ trình số 11/TTr-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra số 197/BC-VHXXH ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Ban Văn hóa
- Xã hội của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bãi bỏ Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh kéo dài thời gian áp dụng đối với 02 Nghị quyết của HĐND tỉnh về quy định mức học phí đến hết năm học 2021 - 2022.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 16 tháng 3 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Bộ Tư pháp, Bộ Tài Chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy,
- TT HĐND; UBND; UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, Đoàn thể của tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, ĐDBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- TT huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND huyện, thành phố;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường, thị trấn;
- Các Trung tâm: Thông tin tỉnh, lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, Bắc (450b).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2022/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 16 tháng 3 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-COV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh quản lý

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BYT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ Y tế quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2;

Xét Tờ trình số 32/TTr-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 197/BC-VHXXH ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh quản lý (*chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm*).

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La (*trừ cơ sở y tế của Nhà nước thực hiện dịch vụ y tế dự phòng*);

b) Các cơ sở khám, chữa bệnh trực thuộc các Bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Sơn La (*trừ các cơ sở khám, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế và các bệnh viện hạng đặc biệt, bệnh viện hạng I thuộc các Bộ, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh*);

c) Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 tự chi trả tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Nội dung: Quy định mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 (*có Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La Khóa XV, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 16 tháng 3 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch Nước; Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Bộ Y tế, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế: Y tế, Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND; UBND; UBNDTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, Đoàn thể của tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT huyện ủy, thành ủy; HĐND; UBND các huyện, TP;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND, UBNDTQVN các xã, phường, thị trấn;
- Các Trung tâm: Thông tin tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT. Bắc (450b)

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục số**MỨC GIÁ DỊCH VỤ XÉT NGHIỆM SARS-COV-2***(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của HĐND tỉnh)**Đơn vị tính: Đồng*

STT	Danh mục dịch vụ	Mức giá (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm)
A	B	1
I	Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh mẫu đơn	11.200
II	Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag miễn dịch tự động/bán tự động mẫu đơn	30.800
III	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu đơn, gồm:	212.700
1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	45.400
2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	167.300
IV	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu gộp	
1	Trường hợp gộp ≤ 5 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)	78.800
1.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	24.100
1.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	54.700
2	Trường hợp gộp 6 - 10 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)	62.500
2.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	23.300
2.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	39.200
3	Trường hợp gộp ≤ 5 mẫu tại phòng xét nghiệm	112.500
3.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	48.400
3.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	64.100
4	Trường hợp gộp 6 - 10 mẫu tại phòng xét nghiệm	97.200
4.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	49.200
4.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	48.000

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2022/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 16 tháng 3 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2030

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 34/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài Chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 28/TTr-UBND ngày 02 tháng 03 năm 2022 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 201/BC-KTNS ngày 15 tháng 03 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2030, như sau:

1. Đăng ký bảo hộ trong nước

a) Đối với đơn đăng ký bảo hộ sáng chế và đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới: 30 triệu đồng/đơn;

b) Đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp; nhãn hiệu: 15 triệu đồng/văn bằng bảo hộ.

2. Đăng ký bảo hộ ở nước ngoài đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này: 60 triệu đồng/đơn được chấp nhận hợp lệ, các văn bản tương ứng theo quy định của tổ chức quốc tế hoặc quốc gia nộp đơn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La Khóa XV, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 16 tháng 3 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 26 tháng 3 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Khoa học và Công nghệ; Tài chính; Tư pháp;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL của Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND; các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, Dững.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2022/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 27 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một nội dung tại Quy chế quản lý kinh phí và mức chi cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 23 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí Khuyến công Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Công thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một nội dung tại Quy chế quản lý kinh phí và mức chi cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Sơn La, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi Điểm a Khoản 21 Điều 5 Chương II:

“a) Hỗ trợ phòng trưng bày, quảng bá các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh cho các tổ chức, đơn vị thực hiện hoạt động dịch vụ Khuyến công tại: Siêu thị, nhà hàng, khách sạn, điểm dừng nghỉ trên quốc lộ và các địa điểm gắn với các khu du lịch, khu dân cư, trung tâm hành chính trên địa bàn tỉnh; Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày, thuê địa điểm; Mức hỗ trợ tối đa không quá 250 triệu đồng/phòng trưng bày. Thời gian trưng bày không dưới 12 tháng”.

2. Sửa đổi Khoản 1, 2, 3 Điều 7 Chương III:

“1. Đối với đơn vị thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng: thực hiện theo quy định tại: Điều 12 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Khoản 5,7 Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ; Mục 1, Mục 2, Chương II Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ”.

“2) Đối với đơn vị sự nghiệp cung cấp dịch vụ: Theo dõi, hạch toán riêng phần kinh phí được nhận đặt hàng, giao nhiệm vụ; Phần còn lại được sử dụng tự chủ theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập”.

“3) Những nội dung khác về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Khuyến công trên địa bàn tỉnh Sơn La không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ và các quy định của pháp luật khác có liên quan”.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (b/c);
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT, Biên KT 15b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2022/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 23 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ một phần Quyết định số 46/2020/QĐ-UBND ngày 26/11/2020
về việc ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách
nhà nước thuộc lĩnh vực lưu trữ trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 275/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí sử dụng tài liệu lưu trữ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 130/TTr-SNV ngày 21 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ một phần Quyết định số 46/2020/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực lưu trữ trên địa bàn tỉnh Sơn La như sau:

1. Bỏ cụm từ: “*Tổ chức khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ tại Lưu trữ lịch sử tỉnh*” tại Khoản 1, Điều 1 Quyết định số 46/2020/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh.

2. Bãi bỏ số thứ tự thứ 3 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 46/2020/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 3 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Văn thư và Lưu trữ NN;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NC (03), H80.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2022/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 02 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên bộ: Tài chính - Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 173/TTr-SKHCN ngày 09 tháng 02 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ các quyết định sau:

1. Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh về việc quy định định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh quy định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 3 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các tổ chức đoàn thể tỉnh;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KGVX_S.Hùng, (45b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thành Công

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2022/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 09 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp tỉnh và giao nhiệm vụ mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 55/TTr- STC ngày 28 tháng 02 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Bổ sung Khoản 1, Điều 1 Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh, như sau:

“- 28 danh mục mua sắm thực hiện nhiệm vụ khám chữa bệnh và phòng chống dịch Covid-19 (có Danh mục kèm theo)”.

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 1 Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh, như sau:

“ - Giao Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện mua sắm tập trung đối với các tài sản: Máy vi tính để bàn, máy vi tính xách tay, máy in, máy photocopy, máy fax.

- Giao Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh trực thuộc Sở Y tế thực hiện mua sắm tập trung đối với 28 danh mục tại Khoản 1, Điều 1 Quyết định này.

3. Sửa đổi Khoản 4, Điều 1 Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh, như sau:

“- Trường hợp phát sinh nhu cầu mua sắm tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung ngoài dự toán được giao đầu năm và đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt bổ sung dự toán mua sắm, giao đơn vị mua sắm tập trung căn cứ thỏa thuận khung đã được ký kết (nếu có), theo quy định của pháp luật về đấu thầu để áp dụng hình thức mua sắm phù hợp”.

4. Bổ sung gạch đầu dòng thứ 3, Khoản 5, Điều 1 Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh, như sau:

“- Nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác của cơ sở y tế công lập trong trường hợp mua sắm trang thiết bị y tế”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2022.

2. Sở Tài chính

Chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp tỉnh và giao nhiệm vụ mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Sơn La. Chủ động tổ chức thanh tra, kiểm tra nếu phát hiện thiếu sót, vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND tỉnh để chỉ đạo giải quyết kịp thời, đồng thời chịu trách nhiệm toàn diện trước các kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán và các cơ quan pháp luật nhà nước

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, TH, Hà 100b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Đặng Ngọc Hậu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2022/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 10 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế khai thác, sử dụng
Cơ sở dữ liệu công chứng trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;
Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;
Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 20/TTr-STP ngày 23 tháng 02 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Hội công chứng viên tỉnh Sơn La; các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (b/c);
- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công an tỉnh, TAND tỉnh, VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC, Vi Hải (110b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND

ngày 10/3/2022 của UBND tỉnh Sơn La)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý, cung cấp, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu, việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu và chi phí khai thác, sử dụng, lưu trữ Cơ sở dữ liệu công chứng trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Sở Tư pháp, các tổ chức hành nghề công chứng, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, cung cấp, cập nhật, khai thác, sử dụng, lưu trữ Cơ sở dữ liệu công chứng trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ sở dữ liệu công chứng

Là hệ thống Cơ sở dữ liệu điện tử, bao gồm các thông tin về nguồn gốc tài sản, tình trạng giao dịch của tài sản và các thông tin về biện pháp ngăn chặn được áp dụng đối với tài sản có liên quan đến hợp đồng, giao dịch đã được công chứng.

2. Thông tin về hợp đồng, giao dịch

Là nội dung thông tin cơ bản của hợp đồng, giao dịch đã được công chứng mà tổ chức hành nghề công chứng cập nhật vào Cơ sở dữ liệu công chứng.

3. Thông tin về biện pháp ngăn chặn

Là thông tin được thể hiện bằng hình thức văn bản hoặc dữ liệu điện tử do các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật ban hành yêu cầu không thực hiện hoặc tạm dừng thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch đối với tài sản của cá nhân, tổ chức, là Cơ sở để công chứng viên xem xét việc từ chối thực hiện việc công chứng hợp đồng, giao dịch có liên quan đến tài sản đó.

4. Thông tin giải tỏa biện pháp ngăn chặn

Là thông tin được thể hiện bằng hình thức văn bản hoặc dữ liệu điện tử của cơ quan có thẩm quyền có nội dung hủy bỏ việc ngăn chặn của chính cơ quan đó trước đây hoặc của cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật, là căn cứ để công chứng viên thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch đối với tài sản trước đó bị ngăn chặn.

5. Người quản trị Hệ thống

Là công chức thuộc Sở Tư pháp được Giám đốc Sở Tư pháp giao nhiệm vụ để thực hiện việc quản trị, vận hành phần mềm.

6. Tài khoản

Là những thông số nhất định mà người quản lý, khai thác, sử dụng được cấp để truy cập vào hệ thống gồm có tên người sử dụng và mật khẩu.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng

1. Việc quản lý, cung cấp, cập nhật, khai thác, sử dụng, lưu trữ Cơ sở dữ liệu công chứng phải bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật và quy định tại Quy chế này.

2. Các hoạt động quản lý, cung cấp, cập nhật, khai thác, sử dụng, lưu trữ dữ liệu công chứng theo Quy chế này là một hoạt động nghiệp vụ công chứng; không làm phát sinh thủ tục hành chính đối với người có yêu cầu công chứng.

3. Bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân được khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu công chứng phù hợp với quy định của pháp luật và Quy chế này.

4. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Cấp, quản lý, sử dụng tài khoản trong Cơ sở dữ liệu công chứng

1. Tổ chức, cá nhân được cấp tài khoản truy cập vào Cơ sở dữ liệu công chứng:

a) Giám đốc Sở Tư pháp, Phó Giám đốc Sở Tư pháp phụ trách lĩnh vực công chứng;

b) Phòng chuyên môn Sở Tư pháp: Lãnh đạo phòng và công chức được giao tham mưu quản lý nhà nước lĩnh vực công chứng;

c) Tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh: Công chứng viên, chuyên viên, nhân viên của Tổ chức hành nghề công chứng;

d) Tổ chức, cá nhân khác để phục vụ cho việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về hoạt động công chứng.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức quy định tại các Điểm c, d, Khoản 1 Điều này lập danh sách yêu cầu cấp tài khoản cho các cá nhân của cơ quan, đơn vị, tổ chức mình gửi về Sở Tư pháp để xem xét, cấp tài khoản. Tổ chức được cấp tài khoản có trách nhiệm phân công cho nhân viên thuộc tổ chức mình thực hiện việc tra cứu, cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu công chứng.

3. Tổ chức, cá nhân được cấp tài khoản quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng có trách nhiệm quản lý, bảo mật tài khoản được cấp và chịu trách nhiệm về mọi tác động của tài khoản được cấp đối với Cơ sở dữ liệu công chứng.

4. Tài khoản truy cập vào Cơ sở dữ liệu công chứng đã được cấp sẽ bị khóa trong các trường hợp sau:

a) Công chứng viên bị tạm đình chỉ hành nghề công chứng hoặc bị tước quyền sử dụng thẻ công chứng viên; công chức, viên chức bị tạm đình chỉ công tác;

b) Cá nhân đã được cấp tài khoản nhưng không thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến Cơ sở dữ liệu do sự phân công của cơ quan, đơn vị, tổ chức;

c) Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại Điều 4 của Quy chế này;

d) Tổ chức hành nghề công chứng không thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của Quy chế này.

5. Tài khoản bị khóa được xem xét mở lại theo đề nghị của cơ quan, đơn vị, tổ chức nơi cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên công tác khi người được cấp tài khoản tiếp tục thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến Cơ sở dữ liệu.

6. Tài khoản truy cập vào Cơ sở dữ liệu đã được cấp sẽ bị xóa trong các trường hợp sau:

a) Công chứng viên đã miễn nhiệm, bị xóa đăng ký hành nghề và thu hồi Thẻ công chứng viên;

b) Cá nhân được cấp tài khoản chuyển công tác, thôi việc, nghỉ hưu;

c) Cơ quan, đơn vị, tổ chức được cấp tài khoản bị giải thể, chuyển đổi, chấm dứt hoạt động, sáp nhập, hợp nhất theo quy định của pháp luật.

7. Sở Tư pháp căn cứ vào yêu cầu của hoạt động công chứng hợp đồng, giao dịch và công tác quản lý nhà nước thực hiện việc quản lý, cấp, khóa hoặc mở lại, xóa tài khoản trong Cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật và của Quy chế này.

Điều 5. Cung cấp, tiếp nhận thông tin về biện pháp ngăn chặn và thông tin giải tỏa biện pháp ngăn chặn

1. Cung cấp thông tin về biện pháp ngăn chặn: Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Công an tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành khác có liên quan; UBND các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân khác có thẩm quyền ngăn chặn, dừng, tạm dừng, giải tỏa ngăn chặn theo quy định của pháp luật, ngoài việc gửi các thông tin về

biện pháp ngăn chặn, thông tin giải tỏa biện pháp ngăn chặn cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật, đồng thời gửi thông tin về biện pháp ngăn chặn, thông tin giải tỏa biện pháp ngăn chặn cho Sở Tư pháp để thực hiện cập nhật theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

2. Sở Tư pháp là cơ quan tiếp nhận các thông tin về biện pháp ngăn chặn, thông tin giải tỏa biện pháp ngăn chặn từ các cơ quan có liên quan quy định tại Khoản 1 Điều này để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu công chứng.

3. Thông tin về biện pháp ngăn chặn, thông tin giải tỏa biện pháp ngăn chặn và văn bản trao đổi thông tin khác có liên quan được lưu trữ, bảo quản khoa học, có hệ thống tại Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Cập nhật thông tin về biện pháp ngăn chặn, thông tin giải tỏa biện pháp ngăn chặn

1. Ngay sau khi tiếp nhận thông tin về biện pháp ngăn chặn, thông tin giải tỏa biện pháp ngăn chặn, Sở Tư pháp tiến hành cập nhật đầy đủ, chính xác các thông tin vào phần thông tin về biện pháp ngăn chặn.

2. Đối với thông tin giải tỏa biện pháp ngăn chặn đã có trên Cơ sở dữ liệu công chứng, công chức Sở Tư pháp được giao nhiệm vụ cập nhật phải kiểm tra thông tin: Nếu thông tin giải tỏa biện pháp ngăn chặn phù hợp với thông tin về biện pháp ngăn chặn đã có thì thực hiện việc giải tỏa biện pháp ngăn chặn; nếu thông tin giải tỏa biện pháp ngăn chặn không phù hợp với thông tin về biện pháp ngăn chặn đã có, thì ngay sau khi tiếp nhận thông tin Sở Tư pháp chuyển trả lại thông tin giải tỏa biện pháp ngăn chặn đó cho cơ quan, tổ chức đã cung cấp thông tin và nêu rõ lý do trả lại.

3. Khi phát hiện thấy những điểm bất hợp lý của thông tin về biện pháp ngăn chặn, thông tin giải tỏa biện pháp ngăn chặn Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với cơ quan cung cấp thông tin để kịp thời xử lý, giải quyết.

Điều 7. Nhập thông tin hợp đồng, giao dịch đã công chứng vào Cơ sở dữ liệu công chứng

1. Tổ chức hành nghề công chứng phải cập nhật thông tin hợp đồng, giao dịch đã được công chứng lên Cơ sở dữ liệu công chứng ngay sau khi Công chứng viên ký, đóng dấu vào bản công chứng hợp đồng, giao dịch. Trường hợp cập nhật không chính xác, không đầy đủ, không kịp thời dẫn đến phát sinh hậu quả pháp lý thì phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung thông tin cơ bản của hợp đồng, giao dịch được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu công chứng (*các trường thông tin khi cập nhật được ghi chữ đỏ phía dưới là bắt buộc*) gồm có:

a) Đối với thông tin về nhân thân

Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân, địa chỉ nơi cư trú của các bên tham gia giao dịch;

b) Đối với thông tin về tổ chức

Tên gọi tổ chức, địa chỉ hoạt động, số giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập và người đại diện *(nếu có)*;

c) Đối với thông tin về tài sản là bất động sản gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất

Địa chỉ tài sản, số thửa đất, số tờ bản đồ, số giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc sử dụng, diện tích *(nếu có)*;

d) Đối với thông tin là động sản có đăng ký và tài sản khác

Số đăng ký tài sản, số giấy chứng nhận, giấy đăng ký tài sản, mã số giấy tờ, ngày cấp và các thông tin mô tả về tài sản trên các giấy tờ chứng minh quyền tài sản *(nếu có)*;

đ) Đối với thông tin về hợp đồng, giao dịch cần phải nhập: Tên loại giao dịch, số giao dịch, ngày giao dịch;

e) Phí công chứng, thù lao công chứng;

f) Các thông tin khác có liên quan.

Điều 8. Sửa thông tin đã cập nhật vào Cơ sở dữ liệu công chứng

1. Việc sửa các thông tin liên quan đến hợp đồng, giao dịch, thông tin về biện pháp ngăn chặn, thông tin giải tỏa biện pháp ngăn chặn đã cập nhật vào Cơ sở dữ liệu công chứng chỉ được thực hiện đối với các lỗi về kỹ thuật trong văn bản hoặc lỗi do đánh máy.

2. Trường hợp lỗi được phát hiện sau khi thông tin đã được đồng bộ lên hệ thống Cơ sở dữ liệu công chứng *(đã lưu)*, người thực hiện cập nhật báo cáo lãnh đạo Sở Tư pháp *(đối với thông tin về biện pháp ngăn chặn, thông tin giải tỏa biện pháp ngăn chặn mà Sở Tư pháp tiếp nhận, cập nhật)*, Trưởng phòng công chứng hoặc Trưởng Văn phòng công chứng *(đối với các thông tin mà tổ chức hành nghề công chứng đã cập nhật vào Cơ sở dữ liệu công chứng)* để kiểm tra, xem xét và thực hiện việc chỉnh sửa cho chính xác.

Điều 9. Khai thác và sử dụng thông tin trên Cơ sở dữ liệu công chứng

1. Tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên và nhân viên tổ chức hành nghề công chứng được khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng phục vụ cho hoạt động công chứng.

2. Sở Tư pháp được khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về công chứng trên địa bàn tỉnh.

3. Cơ quan nhà nước có liên quan được khai thác, sử dụng thông tin trên dữ liệu công chứng để phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật khi được sự đồng ý của Sở Tư pháp.

Điều 10. Lưu trữ thông tin dữ liệu công chứng

Thông tin dữ liệu công chứng được lưu trữ, bảo quản thường xuyên, khoa học, hệ thống, đảm bảo an toàn tại Sở Tư pháp, các tổ chức hành nghề công chứng theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Chi phí liên quan đến khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng

1. Tổ chức hành nghề công chứng khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng phải nộp các chi phí liên quan đến việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng; các chi phí liên quan đến việc quản trị, duy trì, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng nâng cấp Cơ sở dữ liệu công chứng và chi phí hợp lý khác.

2. Chi phí khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng do Sở Tư pháp phối hợp với các tổ chức hành nghề công chứng, đơn vị cung ứng dịch vụ vận hành, duy trì Cơ sở dữ liệu công chứng, các cơ quan, tổ chức có liên quan xác định theo quy định của pháp luật.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Giúp UBND tỉnh triển khai, thực hiện việc quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng, có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để vận hành, sử dụng, khai thác hiệu quả Cơ sở dữ liệu công chứng; triển khai tốt việc lưu trữ dữ liệu theo quy định đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu tính chất công việc và an toàn, an ninh thông tin.

3. Kiểm tra, xác minh việc cài đặt Cơ sở dữ liệu công chứng và việc đảm bảo các điều kiện vật chất khác theo đề án thành lập trước khi cấp giấy đăng ký hoạt động cho tổ chức hành nghề công chứng.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu UBND tỉnh thiết lập cơ chế kết nối liên thông Cơ sở dữ liệu công chứng với các hệ thống thông tin khác phục vụ cho việc công chứng hợp đồng, giao dịch.

5. Tiếp nhận, cập nhật thông tin về biện pháp ngăn chặn, thông tin giải tỏa biện pháp ngăn chặn; cung cấp thông tin trên Cơ sở dữ liệu công chứng phục vụ công tác điều tra, thanh tra, kiểm tra và nhu cầu cung cấp thông tin khác phù hợp với quy định của pháp luật theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

6. Theo dõi, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong việc chấp hành Quy chế này; tham mưu cho UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy chế khi cần thiết.

Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ngành có liên quan

1. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phối hợp cung cấp thông tin, hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc cung cấp thông tin về biện pháp ngăn chặn, thông tin giải tỏa biện pháp ngăn chặn theo quy định tại Điều 5 Quy chế này và quy định pháp luật có liên quan.

2. Công an tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm phối hợp thực hiện và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, cơ quan cấp dưới thực hiện việc cung cấp thông tin về biện pháp ngăn chặn, thông tin giải tỏa biện pháp ngăn chặn về Sở Tư pháp theo quy định tại Điều 5 Quy chế này và quy định pháp luật có liên quan.

3. Sở Thông tin và Truyền thông trên Cơ sở phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Sở Tư pháp trong việc triển khai Cơ sở dữ liệu công chứng theo quy định.

4. Các sở, ngành và cơ quan, tổ chức khác trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện cho tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên kiểm tra, xác minh thông tin phục vụ việc giải quyết yêu cầu công chứng.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội Công chứng viên tỉnh Sơn La

1. Phối hợp với Sở Tư pháp triển khai đồng bộ, kịp thời và hiệu quả Cơ sở dữ liệu công chứng.

2. Vận động công chứng viên là thành viên của Hội và các tổ chức hành nghề công chứng thực hiện nghiêm túc Quy chế này, nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh.

Điều 15. Trách nhiệm của các tổ chức hành nghề công chứng

1. Tất cả các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh phải tham gia Cơ sở dữ liệu công chứng. Các hợp đồng, giao dịch đã công chứng từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 hiện chưa được cập nhật phải được cập nhật bổ sung vào Cơ sở dữ liệu công chứng, việc cập nhật bổ sung hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Đối với các hợp đồng, giao dịch đã công chứng trước ngày 01 tháng 7 năm 2020 và còn giá trị lưu trữ, giao Sở Tư pháp hướng dẫn và xác định lộ trình cập nhật bổ sung cụ thể.

2. Trưởng Văn phòng, Trưởng phòng công chứng có trách nhiệm

a) Bảo đảm Cơ sở vật chất, đường truyền để cài đặt và sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng; cài đặt diệt vi rút trên các thiết bị truy cập Cơ sở dữ liệu công chứng;

b) Tổ chức quản lý, phân công công chứng viên hoặc nhân viên thực hiện nhập thông tin về hợp đồng, giao dịch, tra cứu thông tin trên Cơ sở dữ liệu công chứng, sao lưu, lưu trữ dữ liệu công chứng theo đúng quy định tại Quy chế này và quy định pháp luật khác có liên quan;

c) Tổ chức quản lý việc khai thác, sử dụng các tính năng của phần mềm Cơ sở dữ liệu công chứng được phân quyền phục vụ cho việc quản lý hoạt động công chứng tại tổ chức mình;

d) Quyết định và chịu trách nhiệm về việc nhập, sửa chữa, xóa thông tin đã nhập vào Cơ sở dữ liệu công chứng của tổ chức mình; chịu trách nhiệm về tính kịp thời, đầy đủ, chính xác của thông tin nhập vào Cơ sở dữ liệu công chứng;

đ) Chịu trách nhiệm bảo quản, bảo mật đối với tài khoản đã được cấp; kịp thời thay đổi mật khẩu của tài khoản khi có sự điều chỉnh phân công nhiệm vụ cập nhật, tra cứu thông tin hoặc chấm dứt hợp đồng làm việc đối với nhân viên đã từng truy cập Cơ sở dữ liệu công chứng;

e) Cử công chứng viên, nhân viên tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng;

f) Kịp thời thông tin cho Sở Tư pháp các vấn đề phát sinh trong quá trình sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng.

3. Công chứng viên, viên chức, nhân viên tổ chức hành nghề công chứng được phân công cập nhật, tra cứu, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng có trách nhiệm:

a) Nhập thông tin, sửa chữa, xóa các thông tin đã nhập vào Cơ sở dữ liệu công chứng và tra cứu thông tin trên Cơ sở dữ liệu công chứng; chịu trách nhiệm về tính kịp thời, đầy đủ, chính xác của thông tin đã nhập hoặc đã tra cứu;

b) Tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng khi được phân công;

c) Tiến hành các biện pháp quản lý, kỹ thuật cần thiết để bảo quản, bảo mật đối với tài khoản đã được cấp và bảo đảm an toàn, bí mật thông tin.

Điều 16. Trách nhiệm của người được cấp tài khoản

1. Chỉ được truy cập vào Cơ sở dữ liệu công chứng bằng tài khoản được cấp.

2. Không để cho người khác sử dụng tài khoản của mình để truy cập vào Cơ sở dữ liệu công chứng.

3. Truy cập vào Cơ sở dữ liệu công chứng để thực hiện các công việc được giao. Không sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng và các thông tin trong Cơ sở dữ liệu công chứng vào những mục đích trái pháp luật, mục đích khác không phục vụ cho hoạt động công chứng của tổ chức mình hay hoạt động quản lý nhà nước về công chứng.

4. Không thực hiện các hành vi sửa đổi, xóa bỏ thông tin trong Cơ sở dữ liệu công chứng trái quy định, làm biến dạng giao diện, làm sai lệch hệ thống quản trị, thay đổi cấu trúc dữ liệu hay bất kỳ hành vi nào khác tác động đến hoạt động hay thông tin có trong Cơ sở dữ liệu công chứng.

5. Không tự ý thay đổi hệ thống quản lý, vận hành sử dụng hệ thống Cơ sở dữ liệu công chứng khi chưa được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

6. Giữ bí mật các thông tin về cá nhân, tổ chức, tài sản và các thông tin khác mà mình biết trong quá trình quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng.

7. Không thực hiện những hành vi vi phạm pháp luật khác.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ nội dung Quy chế có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 67/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 20 tháng 01 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, phân bổ chi tiết (đợt 2) một số nguồn vốn
ngân sách địa phương kế hoạch đầu tư công năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Xét Tờ trình số 05/TTr-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 170/BC-KTNS ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2022, như sau:

1. Tổng vốn điều chỉnh: 16.374 triệu đồng (*nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh*).

2. Phương án điều chỉnh

Điều chỉnh giảm 16.374 triệu đồng số vốn hoàn trả ngân sách tỉnh đã tạm vay thanh toán cho các công trình dự án năm 2017 và phân bổ số vốn sau điều chỉnh giảm cho 03 dự án khởi công mới năm 2022 (*Biểu số 01 kèm theo*).

Điều 2. Phân bổ chi tiết (đợt 2) một số nguồn vốn ngân sách địa phương kế hoạch đầu tư công năm 2022

1. Tổng vốn phân bổ: 55.228 triệu đồng.

2. Phương án phân bổ

2.1. Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh

Phân bổ số vốn 2.880 triệu đồng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Bảo tồn, tôn tạo khu di tích lịch sử Cây Me - Nơi thành lập Chi bộ đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Sơn La.

2.2. Nguồn thu sở xố kiến thiết

Phân bổ số vốn 2.348 triệu đồng thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trung tâm y tế huyện Vân Hồ.

2.3. Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh

Phân bổ số vốn 50.000 triệu đồng thực hiện 20 dự án đầu tư trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã và trạm y tế xã.

(Biểu số 02, Biểu số 03 kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp Chuyên đề lần thứ năm thông qua ngày 20 tháng 01 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND; UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, Dững.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 20/01/2022 của HĐND

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022 đã giao	Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	
	Tổng số			207.130	49.528	16.374	16.374	49.528
I	Điều chỉnh giảm				45.988	16.374		29.614
1	Hoàn trả ngân sách tỉnh đã tạm vay để thanh toán cho một số dự án, công trình năm 2017 theo Công văn số 1223/TT-HĐND ngày 09/02/2018				45.988	16.374		29.614
II	Điều chỉnh tăng			207.130	3.540		16.374	19.914
1	Bố trí ổn định dân cư bản Nong, xã Chiềng San, huyện Mường La.	UBND huyện Mường La	2894 24/11/2021	12.800	1.540		3.000	4.540
2	Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật Đô thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu	UBND huyện Mộc Châu	2887 24/11/2021	180.000	2.000		9.374	11.374
3	Bảo tồn, tôn tạo khu di tích lịch sử Cây Me - Nơi thành lập chi bộ đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Sơn La	UBND huyện Mai Sơn	2782 15/11/2021	14.330			4.000	4.000

Đơn vị tính: Triệu đồng

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 08 + 09/ Ngày 31-03-2022

Biểu số 02
PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 CÁC VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (ĐỢT 2)
 (Kèm theo Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 20/01/2022 của HĐND)

Đơn vị tính: Triệu đồng

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 08 + 09/Ngày 31-03-2022

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 ngân sách tỉnh	Kế hoạch năm 2022
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
				Tổng số	TĐ: Ngân sách tỉnh		
	Tổng số			31.330	31.330	5.228	
I	NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH			14.330	14.330	2.880	
I.1	VĂN HÓA, THÔNG TIN			14.330	14.330	2.880	
a	Dự án khởi công mới			14.330	14.330	2.880	
1	Bảo tồn, tôn tạo khu di tích lịch sử Cây Me - Nơi thành lập chi bộ đầu tư tiên của Đảng bộ tỉnh Sơn La	UBND huyện Mai Sơn	2782 15/11/2021	14.330	14.330	2.880	
II	NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT			17.000	17.000	2.348	
II.1	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH			17.000	17.000	2.348	
a	Dự án khởi công mới			17.000	17.000	2.348	
1	Trung tâm y tế huyện Vân Hồ	UBND huyện Vân Hồ	3236 25/12/2021	17.000	17.000	2.348	

Biểu số 03
PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 20/01/2022 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

CÔNG BÁO SƠN LA SỐ 08 + 09/Ngày 31-03-2022							
STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh	Kế hoạch năm 2022	
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			
				Tổng số			
	Tổng số			179.671	166.553	128.886	50.000
I	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH			15.998	15.998	16.000	4.400
b	Dự án khởi công mới			15.998	15.998	16.000	4.400
1	Trạm Y tế xã Hát Lót	UBND huyện Mai Sơn	2796 15/11/2021	4.000	4.000	4.000	1.100
2	Trạm Y tế thị trấn Nông trường Mộc Châu	UBND huyện Mộc Châu	2873 23/11/2021	3.998	3.998	4.000	1.100
3	Trạm Y tế xã Chiềng Lương	UBND huyện Mai Sơn	2798 15/11/2021	4.000	4.000	4.000	1.100
4	Trạm Y tế xã Chiềng Sung	UBND huyện Mai Sơn	2802 15/11/2021	4.000	4.000	4.000	1.100

Đơn vị tính: Triệu đồng

CÔNG BÁO SƠN LA/Số 08 + 09/ Ngày 31-03-2022

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh	Kế hoạch năm 2022
			Tổng mức đầu tư		Tổng số		
			Số, ngày, tháng, năm	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh			
5	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Quang Minh	UBND huyện Vân Hồ	3206 23/12/2021	9.500	9.500	9.500	3.000
6	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Mường Chanh	UBND huyện Mai Sơn	2804 15/11/2021	9.500	9.500	9.500	3.000

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 68/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 20 tháng 01 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2021
nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Xét Tờ trình số 04/TTr-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 170/BC-KTNS ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh Nghị quyết số 240/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021; Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 01 tháng 11 năm 2021; Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021; Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2021, như sau:

1. Tổng vốn điều chỉnh: 16.374 triệu đồng.

2. Phương án điều chỉnh

2.1. Điều chỉnh giảm 16.374 triệu đồng kế hoạch vốn giao của 02 dự án hoàn thành không còn nhu cầu sử dụng vốn và 02 dự án chậm tiến độ không có khả năng hoàn thành kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công năm 2021.

2.2. Phân bổ số vốn 16.374 triệu đồng sau điều chỉnh giảm hoàn trả ngân sách tỉnh số vốn đã tạm vay để thanh toán cho một số dự án, công trình năm 2017.

(Biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp Chuyên đề lần thứ năm thông qua ngày 20 tháng 01 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tư pháp;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND; UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, Dữ.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 20/01/2022 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM																	
STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Lũy kế khối lượng hoàn thành đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn đã giao đến thời điểm báo cáo		Kế hoạch năm 2021						Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Chức năng
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giao	TĐ: Số vốn đã giải ngân đến ngày 31/12/2021	Số vốn còn lại chưa giải ngân					
			Tổng số	Trong đó: Nguồn NST		Tổng số tiếp tục giải ngân	Số vốn đề nghị					Số vốn đề nghị thu hồi					
	Tổng số				218.046	246.589	55.786	50.363	32.345	18.018	1.644	16.374	16.374	50.363			
I	Điều chỉnh giảm				218.046	246.589	55.786	29.120	11.102	18.018	1.644	16.374	16.374	12.746			
1	Xử lý ngập úng khu vực Co Tằng, Co Chàm, xã Lóng Luông, huyện Văn Hồ	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Hồ	1410 31/10/2019	13.000	12.006	13.000	13.000	6.000	4.956	1.044	644	400	400	5.600	Hệ thống thoát nước		
2	Nâng cao năng lực sản xuất chương trình và mở rộng vùng phủ sóng Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Sơn La	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	369 12/02/2017	157.679	156.375	157.208	20.362	2.300	1.467	833		833	833	1.467	Ngân sách		
3	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VILG)	Sở Tài nguyên và Môi trường	1236 QĐ-BTNMT ngày 30/5/2016	90.847	48.166	61.401	7.444	5.840	4.180	1.660		1.660	1.660	4.180	Không đảm bảo tiến độ		
4	Đường giao thông kết nối điểm du lịch Rừng sinh thái Pa Cốp xã Văn Hồ với trung tâm xã Chiềng Xuân, huyện Văn Hồ	UBND huyện Văn Hồ	1088 31/5/2021	59.939	1.499	14.980	14.980	14.980	499	14.481	1.000	13.481	13.481	1.499	Không đảm bảo tiến độ		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Lũy kế khối lượng hoàn thành đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn đã giao đến thời điểm báo cáo		Kế hoạch năm 2021				Phương án điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: Nguồn NST	Kế hoạch vốn giao	TĐ: Số vốn đã giải ngân đến ngày 31/12/2021	Số vốn chưa giải ngân	Số vốn đề nghị giải ngân	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
										Tổng số tiếp tục đề nghị giải ngân	Số vốn đề nghị thu hồi				
II	Điều chỉnh tăng							21.243	21.243				16.374	37.617	
1	Hoàn trả ngân sách tỉnh đã tạm vay để thanh toán cho một số dự án, công trình năm 2017 theo Công văn số 1223/TT HENDN ngày 09/2/2018							21.243	21.243				16.374	37.617	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 69/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 20 tháng 01 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Kè chống sạt lở bờ suối
Vạt bảo vệ thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (giai đoạn II)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2015 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 276/NQ-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2021 của
HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án khởi công mới kế hoạch đầu
tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 07/TTr-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra số 170/BC-KTNS ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Ban
Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Kè chống sạt lở bờ
suối Vạt bảo vệ thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La (giai đoạn II).

1. Cơ cấu nguồn vốn và tiến độ đầu tư dự án sau điều chỉnh

Năm 2022 - 2025, tổng cộng 81.000 triệu đồng. Trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương 80.000 triệu đồng.
- Nguồn vốn ngân sách huyện 1.000 triệu đồng.

2. Tiến độ thực hiện dự án sau điều chỉnh

- Năm 2022: Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư, khởi công dự án.
- Năm 2023 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện dự án, nghiệm thu và quyết
toán hoàn thành dự án.

3. Các nội dung khác

Giữ nguyên theo Phụ lục số 06, Nghị quyết số 276/NQ-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2021 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án khởi công mới kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp Chuyên đề lần thứ năm thông qua ngày 20 tháng 01 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND; UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, Dững.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 70/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 20 tháng 01 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Thông qua danh mục bổ sung dự án nhà nước thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện năm 2022; Điều chỉnh, bổ sung diện tích; điều chỉnh thời gian thực hiện thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất các công trình dự án đã được HĐND tỉnh thông qua

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật Quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 08/TTr-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 170/BC-KTNS ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục bổ sung dự án nhà nước thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện năm 2022; điều chỉnh, bổ sung diện tích; điều chỉnh thời gian thực hiện thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất các công trình dự án đã được HĐND tỉnh thông qua, như sau:

1. Thông qua danh mục bổ sung 02 dự án Nhà nước thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện năm 2022.

Trong đó: Diện tích thu hồi là 595.900 m²; Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất 284.500 m² (94.500 m² đất trồng lúa nước một vụ; 190.000 m² đất rừng phòng hộ chưa có rừng) (Biểu số 01 kèm theo).

2. Điều chỉnh diện tích thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với 02 dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 273/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2021.

Trong đó: Diện tích thu hồi đất tăng 63.102 m², diện tích chuyển mục đích sử dụng đất tăng 40.000 m² (*Biểu số 02 kèm theo*).

3. Điều chỉnh thời gian tiếp tục thực hiện thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất đối với 06 dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 109/NQ-HĐND và Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 (*Biểu số 03 kèm theo*).

4. Điều chỉnh, bổ sung diện tích và điều chỉnh thời gian tiếp tục thực hiện thu hồi đất để thực hiện 03 dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 109/NQ-HĐND, Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018, Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017.

Trong đó: 02 dự án điều chỉnh tăng diện tích là 12.700 m²; 01 dự án điều chỉnh giảm diện tích (*diện tích thu hồi giảm 219.031 m², diện tích chuyển mục đích giảm 15.884 m²*) (*Biểu số 04 kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp Chuyên đề lần thứ năm thông qua ngày 20 tháng 01 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước, VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND; UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01
DANH MỤC DỰ ÁN NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, CHO PHÉP CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022
 (Kèm theo Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 20/01/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thu hồi, chuyển mục đích đất (m ²)						Theo Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai	Nguồn vốn thực hiện		
			Diện tích thu hồi đất (m ²)	Diện tích CMB theo Đ58 (m ²)	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ		Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	Số ký hiệu văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	Số tiền (Tỷ đồng)
						Đất có rừng	Đất chưa có rừng					
	Tổng		595.900	284.500	94.500	0	190.000	0	159.500			
1	Dự án Khu khách sạn và dân cư dịch vụ, khu biệt thự núi và Resort nghỉ dưỡng thuộc Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu	Xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu	162.000	2.500	2.500				159.500	Điểm d	Vốn của Nhà đầu tư	750.000
2	Dự án Khu khách sạn và dân cư dịch vụ, khu biệt thự núi và Resort nghỉ dưỡng thuộc Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu	Xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ	433.900	282.000	92.000		190.000			Điểm d	Vốn của Nhà đầu tư	1.050.000

Biểu số 03
DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH THỜI GIAN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THU HỒI,
CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC HẸN TÍNH THÔNG QUA
(Kèm theo Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 20/01/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nghị quyết HĐND tỉnh đã thông qua	DT đã thông qua		Diện tích thu hồi, chuyển mục đích đất (m ²)						Loại đất sau chuyển mục đích		Nguồn vốn thực hiện		Số tiền (tỷ đồng)
				Diện tích thu hồi đất (m ²)	Diện tích CMD theo Đ58 (m ²)	Diện tích thu hồi đất (m ²)	Diện tích CMD theo Đ58 (m ²)	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ (chưa có rừng)	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất ruộng lúa 02 vụ	Diện tích thu hồi đất (m ²)	Diện tích CMD theo Đ58 (m ²)		
1	2	3	4	5	6	7=8+13	8=9+...+12	9	10	12	13	14	17	18	19	CÔNG SẢN
	Huyện Mai Sơn, Mường La															
1	Thủy điện Nậm Pàn 5	Xã Mường Bú, huyện Mường La	109 NQ-HĐND; 110 NQ-HĐND ngày 07/12/2018	351.900	10.000	351.900	10.000	10.000			341.900	DNL	01 QĐ-HĐQT ngày 03/11/2021 của Tổng Cty CP năng lượng dầu khí toàn cầu	Vốn Công ty và cổ đông 30%; vay tín dụng 70%	08 + 09/Ngày 31-03-2022	55.000
		Xã Mường Bàng, huyện Mai Sơn		177.000	75.235	177.000	75.235	10.000	65.235	101.765	DNL					
	Thành phố Sơn La															
2	Đường Điện lực - Lò Văn Giá	Phường Quyết Thắng, Chiềng Cơi, Thành phố Sơn La	110 NQ-HĐND ngày 07/12/2018	46.500		46.500	0				46.500	DGT	68 NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của TP SL	NS thành phố		50.243

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nghị quyết HĐND tỉnh đã thông qua	DT đã thông qua		Diện tích thu hồi, chuyển mục đích đất (m ²)						Loại đất sau chuyển mục đích		Nguồn vốn thực hiện		Số tiền (Triệu đồng)
				Diện tích thu hồi đất (m ²)	Diện tích CMD theo Đ58 (m ²)	Diện tích thu hồi đất (m ²)	Diện tích CMD theo Đ58 (m ²)	Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất rừng (chưa có rừng)	Đất rừng (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)			Số ký hiệu văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	
1	2	3	4	5	6	7=8+13	8=9+...+12	9	10	12	13	14	17	18	19	CÔNG ĐÁO SƠN FA/Số 08 + 09/Ngày 31-03-2022
	Huyện Mường La															
3	Bổ trí ổn định dân cư vùng thiên lũ ống lũ quét bản Huổi Nạ, xã Hua Trai	Xã Hua Trai	110 NQ-HĐND ngày 07/12/2018	10.000		10.000	0				10.000	DNT	15 NQ-HĐND ngày 10/8/2021	NS tỉnh + huyện	18.790	
4	Bổ trí ổn định dân cư vùng thiên lũ ống lũ quét bản Ít, xã Nậm Păm	Xã Nậm Păm	110 NQ-HĐND ngày 07/12/2018	49.600		49.600	0				49.600	DNT	3328 KH-UBND ngày 09/8/2021 của UBND huyện	NS Trung ương	19.650	
5	Bổ trí ổn định dân cư vùng thiên lũ ống lũ quét bản Huổi Có, xã Nậm Păm	Xã Nậm Păm	110 NQ-HĐND ngày 07/12/2018	17.000		17.000	0				17.000	DNT	3328 KH-UBND ngày 09/8/2021 của UBND huyện	NS Trung ương	19.600	
6	Bổ trí ổn định dân cư vùng thiên lũ ống lũ quét bản Nong, xã Chiềng San	Xã Chiềng San	110 NQ-HĐND ngày 07/12/2018	49.600		49.600	0				49.600	DNT	269 NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của HĐND tỉnh	NS tỉnh + huyện	12.800	55

Biểu số 04
ĐIỀU CHỈNH DIỆN TÍCH; ĐIỀU CHỈNH THỜI GIAN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THU HỒI,
CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC HĐND TỈNH THÔNG QUA
(Kèm theo Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 20/01/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nghị quyết HĐND tỉnh đã thông qua	DT đã thông qua		Diện tích thu hồi, chuyển mục đích đất (m ²)								Diện tích chênh lệch (m ²)		Nguồn vốn		Thực hiện
				Diện tích thu hồi đất (m ²)	Diện tích CMD theo DS8 (m ²)	Diện tích thu hồi đất (m ²)	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng phòng hộ (chưa có rừng)	Đất có rừng	Đất rừng đặc dụng	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng DD)	Loại đất sau chuyển mục đích	Thu hồi	CMD	Số ký hiệu văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	
1	1	Trụ sở các cơ quan Chính trị - Hành chính huyện Mai Sơn	4	5	6	7 = 8 + 13 + ... + 12	9	10	11	11	12	14	15	16	17	18	19	CÔNG ANH
1	Trụ sở các cơ quan Chính trị - Hành chính huyện Mai Sơn	Thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn	110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của tỉnh	50.000		0						55.000		5.000	0	2496 QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND huyện	Ngân sách huyện	Số tiền 35.590
2	Khu đô thị đầu tuyến tránh quốc lộ 6	Bản Sảng, phường Chiềng Sinh, TP. SL	109/NQ-HĐND; 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	672.000	52.000	452.969	36.116					416.853		-219.031	-15.884	2779 QĐ-UBND ngày 13/11/2021 của UBND tỉnh	Vốn nhà đầu tư	Số tiền 72.698
3	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Chiềng Khoa	Xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ	60/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	2.000		9.700	0					9.700		7.700		2398 QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND tỉnh; 1082 QĐ-UBND ngày 24/10/2016 của UBND huyện	Vốn ngân sách huyện	Số tiền 9.398

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Số: 71/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 20 tháng 01 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc hoàn trả nguồn cải cách tiền lương ngân sách tỉnh
từ nguồn kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện
diễn tập khu vực phòng thủ năm 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Công văn số 1643/BTC-NSNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ
Tài chính về việc hỗ trợ kinh phí diễn tập khu vực phòng thủ năm 2021;*

*Xét Tờ trình số 06/TTr-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra số 144/BC-PC ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Ban Pháp chế
của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt hoàn trả nguồn kinh phí cải cách tiền lương ngân sách tỉnh năm 2021 đã tạm ứng chi tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ (tại Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh) từ nguồn kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện diễn tập phòng thủ, tại Công văn số 1643/BTC-NSNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính, **số tiền 17.000 triệu đồng** (Mười bảy tỷ đồng chẵn).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp Chuyên đề lần thứ năm thông qua ngày 20 tháng 01 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND; UBND; Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND; UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, Hương.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 72/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 16 tháng 3 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch
đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2021 sang năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 26 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ
tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên
tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai
đoạn 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 01 tháng 03 năm 2022 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra số 201/BC-KTNS ngày 15 tháng 03 năm 2022 của Ban Kinh tế -
Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2021 sang năm 2022, như sau:

1. Tổng số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2021 sang năm 2022: 31.878,514 triệu đồng, trong đó:

1.1. Vốn đầu tư ngân sách tỉnh: 31.105,011 triệu đồng, gồm:

- Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh: 6.578,483 triệu đồng.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh: 17.950,809 triệu đồng.
- Nguồn ngân sách tỉnh chi đầu tư phát triển: 3.272,988 triệu đồng.
- Nguồn thu xổ số kiến thiết: 3.302,731 triệu đồng.

1.2. Vốn đầu tư ngân sách huyện: 773,503 triệu đồng.

- Nguồn bổ sung cân đối được phân cấp: 38,032 triệu đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất được phân cấp: 735,471 triệu đồng.

2. Thời gian cho phép kéo dài thực hiện và giải ngân: Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022.

(có Biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 16 tháng 3 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND; UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, Dữ.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

TỔNG HỢP DANH MỤC, MỨC VỐN ĐỀ NGHỊ KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN, GIẢI NGÂN SANG NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của HĐND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Lũy kế vốn giao đến hết ngày 31/01/2022	Lũy kế KLHT đến hết ngày 31/01/2022	Kế hoạch năm 2021			Số vốn đề nghị kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2022	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	TMDT			Kế hoạch vốn giao	Giải ngân đến ngày 31/01/2022	Kế hoạch vốn còn lại		
	TỔNG SỐ			809.422	668.284	650.744	159.941.909	128.063.395	31.878.514	31.878.514	
A	NGÂN SÁCH TỈNH			792.819	660.074	643.270	157.823.200	126.718.189	31.105.011	31.105.011	
I	Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh			233.615	205.652	199.273	36.248.000	29.669.517	6.578.483	6.578.483	
*	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau			233.615	205.652	199.273	36.248.000	29.669.517	6.578.483	6.578.483	
1	Dự án hệ thống đường giao thông lô 1&2 khu đô thị dọc suối Nậm La, TP Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	2700 05/11/2021	103.143	82.743	78.426	6.128.000	2.491.514	3.636.486	3.636.486	Dự án gặp khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, đến ngày 04/10/2021 UBND thành phố mới bàn giao đủ mặt bằng theo thiết kế BCTC được duyệt tại Quyết định số 3322/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh; Do dự án phải điều chỉnh quy mô đoạn tuyến số 26a dẫn đến phát sinh thêm diện tích phải giải phóng mặt bằng là 960(m ²). Đến nay, UBND thành phố mới bàn giao mặt bằng cho thi công

CÔNG BÁO SƠN LA

06/08/2022 09/11/2022 01/03/2022

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Lũy kế vốn giao đến hết ngày 31/01/2022	Lũy kế KLHT đến hết ngày 31/01/2022	Kế hoạch năm 2021			Số vốn đề nghị kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2022	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	TMDT			Kế hoạch vốn giao	Giải ngân đến ngày 31/01/2022	Kế hoạch vốn còn lại		
62											được 720/960 m ² , diện tích mặt bằng còn lại chưa bàn giao được cho thi công là 240 m ² của 04 hộ gia đình và 02 cột điện 22Kv, hệ thống đường dây mạng Internet, cáp truyền hình chưa được tháo dỡ, di chuyển.
2	Dự án Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 37 - Hua Nhàn, huyện Bắc Yên	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	2562 31/10/2016	39.916	39.765	39.373	17.620.000	16.070.898	1.549.102	1.549.102	Dự án phải điều chỉnh hợp đồng, trong khi chỉ số giá xây dựng năm 2021 của tỉnh chỉ được Sở Xây dựng công bố vào ngày 25/12/2021 và có hiệu lực từ 01/01/2022 nên chủ đầu tư và các nhà thầu không có cơ sở lập dự toán điều chỉnh và hồ sơ nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành trước ngày 31/12/2021, không thể giải ngân thanh toán trước ngày 31/01/2022.
3	Xử lý ngập úng khu vực bản Co Tàng, Co Châm, xã Lóng Luông, huyện Văn Hồ	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Hồ	516 18/6/2021	13.000	13.000	12.200	5.600.000	5.203.356	396.644	396.644	Dự án đã hoàn thành đang thời hạn hợp đồng đến ngày 31/12/2022, hiện đang hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt quyết toán. Số vốn còn chủ

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Lũy kế vốn giao đến hết ngày 31/01/2022	Lũy kế KLHT đến hết ngày 31/01/2022	Kế hoạch năm 2021			Số vốn đề nghị kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2022	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	TMDT			Kế hoạch vốn giao	Giải ngân đến ngày 31/01/2022	Kế hoạch vốn còn lại		
											yếu đề thanh toán chi phí sau quyết toán.
4	Đường từ tỉnh lộ 102 (khu vực Pa Cốp) qua các bản Lũng Xả, Tà Dê xã Lóng Luông, huyện Văn Hồ, tỉnh Sơn La đến xã Hang Kia, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Hồ	331 26/3/2020	77.556	70.144	69.274	6.900.000	5.903.749	996.251	996.251	Dự án đã hoàn thành đúng thời hạn hợp đồng đến ngày 31/12/2022, hiện đang hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt quyết toán
II	Nguồn vốn từ thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh			370.137	283.324	277.919	82.467.000	64.516.191	17.950.809	17.950.809	
*	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau			129.757	124.238	120.939	23.411.000	7.566.252	15.844.748	15.844.748	
1	Dự án đường Mường Khoa - Tạ Khoa, huyện Bắc Yên	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	2518 27/10/2016	89.999	86.699	86.716	8.609.000	6.983.082	1.625.918	1.625.918	Phải điều chỉnh hợp đồng, mà chỉ số giá xây dựng năm 2021 của tỉnh chỉ được Sở Xây dựng công bố và có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 nên chủ đầu tư và các nhà thầu không có cơ sở lập dự toán điều chỉnh và hồ sơ nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành trước ngày 31/12/2021 để đủ điều kiện giải ngân thanh toán trước ngày 31/01/2022 theo quy định.

64	CÔNG BÁO SON LA/2009/09/ Ngày 31-03-2022												
STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Lũy kế vốn giao đến hết ngày 31/01/2022	Lũy kế KLHT đến hết ngày 31/01/2022	Kế hoạch năm 2021			Số vốn đề nghị kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2022	Ghi chú		
			Số, ngày, tháng, năm	TMDT			Kế hoạch vốn giao	Giải ngân đến ngày 31/01/2022	Kế hoạch vốn còn lại				
2	Trồng cây và chăm sóc cây xanh Khu Trung tâm hành chính và Khu Quảng trường	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng công nghiệp và Phát triển đô thị	2787 30/11/2017	25.109	25.108	25.108	10.902.000		10.902.000	10.902.000	Dự án phải điều chỉnh dự án (đến 14/12/2021) theo Quyết định phê duyệt trên không thành giải ngân		
3	Dự án thoát lũ, xử lý ngập úng khu vực thị trấn Hát Lót và khu vực xã Chiềng Mung huyện Mai Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện Mai Sơn	1060 18/6/2016	14.649	12.431	9.115	3.900.000	583.170	3.316.830	3.316.830	Do vướng mắc GPMIB gặp nhiều khó khăn các hộ dân chưa nhất trí cho kiến thiết, chưa nhất trí với phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nên năm 2021 không giải ngân hết số kế hoạch vốn được giao		
*	Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau			240.380	159.086	156.980	59.056.000	56.949.939	2.106.061	2.106.061			
1	Dự án bồi thường hỗ trợ tái định cư tuyến đường quốc lộ 6 (đoạn tránh thành phố Sơn La)	UBND huyện Mai Sơn, UBND thành phố	77 04/4/2018	240.380	159.086	156.980	59.056.000	56.949.939	2.106.061	2.106.061	Do vướng mắc GPMIB gặp nhiều khó khăn các hộ dân chưa nhất trí cho kiến thiết, chưa nhất trí với phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nên năm		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Lũy kế vốn giao đến hết ngày 31/01/2022	Lũy kế KLHT đến hết ngày 31/01/2022	Kế hoạch năm 2021			Số vốn đề nghị kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2022	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	TMDT			Kế hoạch vốn giao	Giải ngân đến ngày 31/01/2022	Kế hoạch vốn còn lại		
III	Nguồn vốn ngân sách tỉnh chi đầu tư phát triển						31.157.000	27.804.012	3.272.988	3.272.988	2021 không giải ngân hết số kế hoạch vốn được giao
*	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau				139.586	131.452	31.157.000	27.884.012	3.272.988	3.272.988	CÔNG BÁO
1	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông trục chính vào Khu du lịch rừng thông Bản Áng, xã Đông Sang, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	3151 19/12/2018	90.271	84.869	83.735	12.469.000	9.523.884	2.945.116	2.945.116	Phải điều chỉnh hợp đồng, mà chỉ số giá xây dựng năm 2021 của tỉnh chỉ được Sở Xây dựng công bố vào ngày 25/12/2021 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 nên chủ đầu tư và các nhà thầu không có cơ sở lập dự toán điều chỉnh và hồ sơ nghiệm thu thanh toán khối lượng công thành trước ngày 31/12/2021 để đủ điều kiện giải ngân thanh toán trước ngày 31/01/2022 theo quy định của pháp luật.
2	Dự án Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 37 - Hua Nhàn, huyện Bắc Yên	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	2562 31/10/2016	39.916	39.765	39.373	18.145.000	18.021.045	123.955	123.955	Phải điều chỉnh hợp đồng, mà chỉ số giá xây dựng năm 2021 của tỉnh chỉ được Sở Xây dựng công bố vào ngày 25/12/2021 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 nên chủ đầu tư và các nhà thầu không có cơ sở lập dự toán điều chỉnh và hồ sơ nghiệm thu thanh toán khối lượng công thành trước ngày 31/12/2021 để đủ điều kiện giải ngân thanh toán trước ngày 31/01/2022 theo quy định của pháp luật.

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Lũy kế vốn giao đến hết ngày 31/01/2022	Lũy kế KLHT đến hết ngày 31/01/2022	Kế hoạch năm 2021			Số vốn đề nghị kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2022	Ghi chú	66
			Số, ngày, tháng, năm	TMDT			Kế hoạch vốn giao	Giải ngân đến ngày 31/01/2022	Kế hoạch vốn còn lại			
											ngày 25/12/2021 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 nên chủ đầu tư và các nhà thầu không có cơ sở lập dự toán điều chỉnh và hồ sơ nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành trước ngày 31/12/2021 để đủ điều kiện giải ngân thanh toán trước ngày 31/01/2022 theo quy định đang tiến hành lập báo cáo quyết toán	
3	Trụ sở xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD huyện Vân Hồ	1082 24/10/2016	9.399	8.600	8.345	543.000	339.083	203.917	203.917	Chưa có Thông báo nghiệm thu PCCC của Công an tỉnh Sơn La (Công an tỉnh đã thực hiện kiểm tra); Chưa hoàn thành công tác chi trả, bồi thường CPMB (UBND huyện phê duyệt phương án ngày 07/01/2022)	68
IV	Nguồn thu xổ số kiến thiết			49.481	37.864	34.626	7.951.200	4.648.469	3.302.731	3.302.731		69
*	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau			49.481	37.864	34.626	7.951.200	4.648.469	3.302.731	3.302.731		70
1	Trường THPT huyện Vân Hồ (Giai đoạn I)	Ban QLDA ĐTXD huyện	246 07/4/2016	49.481	37.864	34.626	7.951.200	4.648.469	3.302.731	3.302.731	Dự án đã hoàn thành đúng thời hạn hợp đồng đến ngày 31/12/2022, hiện đang hoàn	71

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Lũy kế vốn giao đến hết ngày 31/01/2022	Lũy kế KLHT đến hết ngày 31/01/2022	Kế hoạch năm 2021			Số vốn đề nghị kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2022	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	TMDT			Kế hoạch vốn giao	Giải ngân đến ngày 31/01/2022	Kế hoạch vốn còn lại		
		Vân Hồ									thiện hồ sơ nghiên cứu PCCC và bàn giao, đưa vào sử dụng, quyết toán dự án. Sau khi có số quyết toán sẽ tiến hành thanh toán
B	NGÂN SÁCH HUYỆN			16.603	8.210	7.475	2.118.709	1.345.206	773.503	773.503	
I	Nguồn bổ sung cân đối được phân cấp			1.954	1.679	1.679	118.709	80.677	38.032	38.032	
*	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau			1.954	1.679	1.679	118.709	80.677	38.032	38.032	
1	Huyện Vân Hồ			1.954	1.679	1.679	118.709	80.677	38.032	38.032	
	Trường tiểu học Song Khùa; Hang mục: Nhà lớp học 4 phòng điểm trường trung tâm	Ban QLDA ĐTXD huyện Vân Hồ	342 19/4/2017	1.954	1.679	1.679	118.709	80.677	38.032	38.032	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, đang lập hồ sơ quyết toán dự án. Số vốn còn lại giải ngân sau khi có số liệu quyết toán
II	Nguồn thu tiền sử dụng đất được phân cấp			14.649	6.531	5.796	2.000.000	1.264.529	735.471	735.471	
*	Dự án được bố trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bố trí vốn kế hoạch năm sau			14.649	6.531	5.796	2.000.000	1.264.529	735.471	735.471	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Lũy kế vốn giao đến hết ngày 31/01/2022	Lũy kế KLHT đến hết ngày 31/01/2022	Kế hoạch năm 2021			Số vốn đề nghị kéo dài thời gian thực hiện giải ngân sang năm 2022	Ghi chú	68
			Số, ngày, tháng, năm	TMBT			Kế hoạch vốn giao	Giải ngân đến ngày 31/01/2022	Kế hoạch vốn còn lại			
1	Huyện Mai Sơn			14.649	6.531	5.796	2.000.000	1.264.529	735.471	735.471		
	Hệ thống thoát lũ, xử lý ngập úng khu vực thị trấn Hát Lót và khu vực xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện Mai Sơn	1060 18/6/2019	14.649	6.531	5.796	2.000.000	1.264.529	735.471	735.471	Do vướng mắc GPMB gặp nhiều khó khăn các hộ dân chưa nhất trí cho làm điểm, chưa nhất trí với phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư nên năm 2021 không giải ngân hết số kế hoạch vốn được giao	Do vướng mắc GPMB gặp nhiều khó khăn các hộ dân chưa nhất trí cho làm điểm, chưa nhất trí với phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư nên năm 2021 không giải ngân hết số kế hoạch vốn được giao

SỐ LA/Số 08 + 09/Ngày 31-03-2022

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 73/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 16 tháng 3 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022
nguồn ngân sách tỉnh (đợt 3)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Xét Tờ trình số 26/TTr-UBND ngày 01 tháng 03 năm 2022 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 201/BC-KTNS ngày 15 tháng 03 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách tỉnh (đợt 3), như sau:

1. Tổng vốn phân bổ: 70.400 triệu đồng. Trong đó:

- Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh: 3.400 triệu đồng.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh: 67.000 triệu đồng.

2. Nguyên tắc phân bổ

Thực hiện phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công; Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025.

3. Phương án phân bổ

- Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh: Phân bổ chi tiết 3.400 triệu đồng thực hiện dự án Bố trí sắp xếp dân cư bản Tin Tốc, xã Mường Sai, huyện Sông Mã.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh: Phân bổ chi tiết 67.000 triệu đồng thực hiện Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại tổ 5 (*khu vực trung tâm truyền dân sống phát thanh cũ*) phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La.

(có Biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 16 tháng 3 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tư pháp;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND; UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, Dữ.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH (ĐỢT 3)
(Kèm theo Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách tỉnh	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết ngày 31/12/2021	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					
				Tổng số	TĐ: Ngân sách tỉnh				
	TỔNG SỐ			278.670	267.350	266.980	24.500	70.400	
A	NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH			28.300	16.980	16.980	-	3.400	
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			28.300	16.980	16.980	-	3.400	
II	NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN			28.300	16.980	16.980	-	3.400	
*	Dự án khởi công mới			28.300	16.980	16.980	-	3.400	
1	Bố trí sắp xếp dân cư bản Tin Tóc, xã Mường Sai, huyện Sông Mã	UBND huyện Sông Mã	158 25/01/2022	28.300	16.980	16.980		3.400	
B	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH			250.370	250.370	250.000	24.500	67.000	
II	LĨNH VỰC KHÁC			250.370	250.370	250.000	24.500	67.000	
*	Dự án chuyển tiếp			250.370	250.370	250.000	24.500	67.000	
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại Tổ 5 (khu vực trung tâm truyền dẫn sóng phát thanh cũ), phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	1962 10/8/2018	250.370	250.370	250.000	24.500	67.000	Hoàn thành quỹ phát triển đất

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 74/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 16 tháng 3 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh (đợt 3)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 26 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2020 của HĐND tỉnh Sơn La về ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-NĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 1);

Xét Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 201/BC-KTNS ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh (đợt 3), như sau:

1. Tổng vốn phân bổ: 178.979 triệu đồng.

2. Nguyên tắc phân bổ

Thực hiện phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025.

3. Phương án phân bổ: (có Biểu chi tiết kèm theo).

4. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh còn lại chưa phân bổ là: 9.201 triệu đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 16 tháng 3 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTƯQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND; các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, Dũg.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH TỈNH (ĐỢT 3)
(Kèm theo Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của HĐND tỉnh)

74

Đơn vị: Triệu đồng										CƠ QUAN BẢO SƠN LA/Số 08 + 09/Ngày 31-03-2022	
STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án			Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh			
			Số, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			TĐ: Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh			
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ					198.979	198.979	178.979	178.979	178.979	
*	GIAO THÔNG					198.979	198.979	178.979	178.979	178.979	
1	Đường nội thị thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên	Huyện Bắc Yên	62 NQ-HĐND ngày 30/12/2021			198.979	198.979	178.979	178.979	178.979	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 75/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 16 tháng 3 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng
Khu du lịch sinh thái dọc Quốc lộ 43 (đoạn từ thị trấn Mộc Châu
đến thác Dải Yếm), huyện Mộc Châu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2050/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La (sau đây viết tắt là Khu DLQG Mộc Châu) đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 128/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 14/TTr-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2022 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 201/BC-KTNS ngày 15 tháng 03 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu du lịch sinh thái dọc Quốc lộ 43 (đoạn từ thị trấn Mộc Châu đến thác Dải Yếm), huyện Mộc Châu (có Nhiệm vụ chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, UBND tỉnh có thể điều chỉnh một số chỉ tiêu không làm thay đổi mục tiêu, tính chất, quy mô quy hoạch. Trường hợp việc điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu, tính chất, quy mô quy hoạch, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết.

3. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 16 tháng 3 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTƯQH;
- Các Bộ: Xây dựng; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND; UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, Dững.

CHỦ TỊCH**(Đã ký)****Nguyễn Thái Hưng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHIỆM VỤ QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG KHU DU LỊCH
SINH THÁI DỌC QUỐC LỘ 43 (ĐOẠN TỪ THỊ TRẤN MỘC CHÂU
ĐẾN THÁC DẢI YẾM), HUYỆN MỘC CHÂU**

(Kèm theo Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của HĐND tỉnh)

1. Sự cần thiết lập quy hoạch

Theo Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 128/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2019, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu có vị trí tại Vùng trung tâm với vai trò là khu vực động lực về phát triển kinh tế (*đô thị - du lịch - nông nghiệp*).

Khu vực có nhiều lợi thế về điều kiện địa hình tự nhiên với cảnh quan đẹp, có giá trị, thuận lợi cho phát triển kinh tế, đặc biệt là ngành du lịch. Trong những năm qua, khu vực xã Mường Sang đang được nhiều nhà đầu tư quan tâm đầu tư các dự án về dịch vụ, du lịch, nghỉ dưỡng, góp phần từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng môi trường sống của nhân dân, tạo thêm việc làm, tăng nguồn thu cho ngân sách và thu hút khách du lịch đến với Khu du lịch quốc gia Mộc Châu.

Nhằm tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, tạo cơ sở quản lý đầu tư xây dựng theo quy định thì việc lập Quy hoạch phân khu xây dựng Khu du lịch sinh thái dọc Quốc lộ 43 (*đoạn từ thị trấn Mộc Châu đến thác Dải Yếm*), huyện Mộc Châu để cụ thể hóa các định hướng của Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu là rất cần thiết.

2. Phạm vi nghiên cứu, quy mô lập quy hoạch

2.1. Phạm vi nghiên cứu

Khu vực lập quy hoạch thuộc địa phận xã Mường Sang, huyện Mộc Châu có phạm vi, ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp tiểu khu 12, thị trấn Mộc Châu;
- Phía Tây giáp đất nông nghiệp bản An Thái, bản Nà Lùn;
- Phía Đông giáp khu đồi núi bản Nà Bó, bản Vật;
- Phía Nam giáp bản Thái Hưng.

2.2. Quy mô

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: Khoảng 495 ha;
- Quy mô dân số: Dự báo đến năm 2030 khoảng 6.700 người.

3. Mục tiêu

- Cụ thể hóa và tuân thủ Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 2050/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ và Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 128/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ;

- Triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm về phát triển du lịch tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

- Đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư Khu du lịch quốc gia Mộc Châu trở thành một trong những khu du lịch hàng đầu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ;

- Tạo tiền đề phân đầu xây dựng huyện Mộc Châu thành thị xã vào năm 2025;

- Hình thành trục phát triển đô thị - du lịch - nông nghiệp dọc Quốc lộ 43, kết nối với đô thị Mộc Châu, đáp ứng nhu cầu phát triển trước mắt, cũng như lâu dài, đảm bảo tính kinh tế theo từng giai đoạn quy hoạch;

- Tạo dựng không gian cảnh quan, kiến trúc sinh thái hấp dẫn, hài hòa với thiên nhiên, có tính khả thi cao; đủ sức cạnh tranh về các giá trị ở, nghỉ dưỡng, thương mại, dịch vụ, vui chơi giải trí trong khu vực;

- Khai thác tốt các thế mạnh vị trí địa lý, khí hậu, cảnh quan, sinh thái tại xã Mường Sang, huyện Mộc Châu nhằm tăng cường và phát triển các ngành du lịch, dịch vụ, thương mại, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

- Tăng ngân sách cho địa phương, hình thành môi trường đầu tư, kinh doanh cho doanh nghiệp, tạo thêm việc làm cho người dân và chuyển đổi cơ cấu sản xuất;

- Làm cơ sở quản lý xây dựng, đất đai, lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư xây dựng;

- Góp phần giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

4. Tính chất

- Là khu du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái của Khu du lịch quốc gia Mộc Châu và vùng Tây Bắc với hệ thống sản phẩm du lịch đa dạng, độc đáo;

- Là khu du lịch sinh thái với hạ tầng kỹ thuật hiện đại theo hướng bền vững và hòa nhập với môi trường, tạo dựng những giá trị cảnh quan đặc trưng cho khu vực;

- Là khu vực phát triển mô hình đô thị du lịch kết hợp thương mại dịch vụ, thể thao, vui chơi, giải trí;

- Là động lực thu hút đầu tư phát triển kinh tế gắn với bảo tồn, phát huy giá trị cảnh quan tự nhiên tại khu vực;

- Là khu dân cư đô thị với hạ tầng kỹ thuật hiện đại.

5. Chức năng

- Khu dân cư hiện hữu, khu tái định cư, khu dân cư phát triển mới;
- Khu trụ sở, công trình công cộng;
- Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng;
- Khu resort, bungalow, khách sạn, công trình thương mại dịch vụ;
- Khu vui chơi, giải trí;
- Khu công viên cây xanh, thể thao;
- Khu bảo tồn cảnh quan thiên nhiên;
- Khu sản xuất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

(Lưu ý: Trong quá trình nghiên cứu lập đồ án quy hoạch có thể xem xét, điều chỉnh, bổ sung tính chất, chức năng quy hoạch để đảm bảo phù hợp với thực tế phát triển).

6. Yêu cầu về điều tra đánh giá hiện trạng

- Đánh giá về điều kiện tự nhiên môi trường, hiện trạng về dân số, kinh tế xã hội, hiện trạng sử dụng đất và kiến trúc cảnh quan, các dự án, chương trình đang triển khai;
- Tổng hợp các vấn đề hiện trạng, phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của khu vực lập quy hoạch;
- Đề xuất những vấn đề cần giải quyết, các thế mạnh cần khai thác làm cơ sở hướng đến mục tiêu phát triển nhanh và bền vững.

7. Yêu cầu về quy hoạch

7.1. Yêu cầu về định hướng phát triển không gian

- Tổ chức không gian theo hướng tôn trọng địa hình tự nhiên, gắn kết không gian cây xanh, mặt nước với các khu dân cư, dịch vụ, du lịch sinh thái, nông nghiệp, đô thị Mộc Châu và các trung tâm du lịch khác. Đề xuất bố cục không gian kiến trúc cảnh quan theo từng khu vực chức năng, các khu trung tâm, các trục không gian chính, không gian cây xanh, mặt nước và điểm nhấn, ...
- Xác định các khu vực quan trọng cần phải khống chế và kiểm soát xây dựng bao gồm các không gian trọng tâm, trọng điểm và các không gian đặc trưng trong phân khu quy hoạch;
- Lựa chọn không gian chủ đạo cho các khu chức năng, như sau:
 - + Tổ chức không gian cảnh quan lấy khu vực dọc Quốc lộ 43 và trung tâm xã Mường Sang làm hướng bố cục chính, dựa vào các yếu tố hình thể, dáng núi để bố cục không gian quy hoạch. Có giải pháp tổ chức không gian cảnh quan kiến trúc

hài hoà với cảnh quan thiên nhiên xung quanh, tôn trọng địa hình tự nhiên, tránh san lấp nhiều, đáp ứng được các yêu cầu của công tác quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng.

+ Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan trên cơ sở kết hợp hài hòa các yếu tố địa hình, mặt nước tự nhiên, cảnh quan khu vực nông nghiệp với cấu trúc không gian các điểm du lịch lân cận và không gian đô thị Mộc Châu.

+ Triển khai thực hiện trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến, chủ động tham gia “Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”, thân thiện với môi trường, sinh thái, hình thành điểm du lịch hấp dẫn.

+ Các khu dân cư: Tổ chức phối kết các khu ở thấp tầng, phân bố xung quanh là các điểm dịch vụ, vườn hoa cây xanh, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

+ Tạo không gian riêng, đặc trưng của khu vực dọc Quốc lộ 43 tại Khu du lịch quốc gia Mộc Châu.

- Đề xuất chi tiết về tầng cao, hình khối kiến trúc và các quy định về quản lý kiến trúc cảnh quan cho toàn bộ khu vực lập quy hoạch. Phát triển kiến trúc đương đại hài hòa với cảnh quan tự nhiên, lấy cảm hứng từ truyền thống dân tộc, thân thiện với môi trường, sử dụng vật liệu địa phương.

7.2. Yêu cầu về quy hoạch sử dụng đất

- Quy hoạch sử dụng đất cho từng khu chức năng theo cơ cấu được xác định. Tính toán và xác định ngưỡng chỉ tiêu sử dụng đất cho từng lô đất: quy mô, diện tích, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao xây dựng, diện tích sàn... cho các lô đất xây dựng theo các khu chức năng;

- Đề xuất giải pháp phân bố quỹ đất theo chức năng, xác định vị trí, phạm vi, quy mô các khu chức năng (*khu xây dựng mới; khu cần chỉnh trang; khu nâng cấp hoặc di dời; khu vực cần bảo tồn, tôn tạo; các khu vực cấm xây dựng, ...*);

- Tính toán quy mô phát triển dân số làm cơ sở bố trí quỹ đất xây dựng các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cho khu vực;

- Nghiên cứu, kế thừa quy hoạch sử dụng đất của các quy hoạch, dự án đã được phê duyệt; rà soát, đề xuất điều chỉnh bổ sung theo thực tế phát triển;

- Chỉ tiêu sử dụng đất: Thực hiện theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan.

8. Yêu cầu về quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

Xác định các định hướng tổng quát về quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật khung trong khu vực, mối liên kết với các khu vực lân cận, đề xuất giải pháp phát triển hạ tầng của khu vực. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đáp ứng được nhu cầu phát triển, gồm: Chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, cấp

nước, cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc, thoát nước thải, thu gom xử lý chất thải rắn và nghĩa trang.

9. Quy định quản lý theo quy hoạch khu chức năng

Nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

10. Đánh giá môi trường chiến lược

Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 và các quy định hiện hành.

11. Kinh phí đầu tư và nguồn lực thực hiện

Xác định chương trình, dự án, hạng mục hạ tầng kỹ thuật ưu tiên đầu tư; các dự án cần nêu rõ quy mô đầu tư xây dựng, dự báo nhu cầu vốn và kiến nghị nguồn vốn thực hiện./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 76/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 16 tháng 3 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Bổ sung danh mục cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án năm 2022; điều chỉnh, diện tích, loại đất; điều chỉnh thời gian thực hiện thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất các công trình dự án đã được HĐND tỉnh thông qua

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật Quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 35/TTr-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 201/BC-KTNS ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung danh mục cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án năm 2022; điều chỉnh diện tích, loại đất; điều chỉnh thời gian thực hiện thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất các công trình dự án đã được HĐND tỉnh thông qua, như sau:

1. Bổ sung danh mục cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện 01 dự án năm 2022. Trong đó: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước 109 m².

2. Điều chỉnh diện tích, loại đất thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất; thời gian tiếp tục thực hiện đối với 01 dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2014.

3. Điều chỉnh diện tích, thời gian tiếp tục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện 01 dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 137/NQ-HĐND; Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015.

(có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 16 tháng 3 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước; VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND; UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	HĐND tỉnh thông qua			Điều chỉnh diện tích thu hồi, chuyển mục đích đất (m ²)						Loại đất sau chuyển mục đích	Diện tích chênh lệch (m ²)		Nguồn vốn thực hiện			
			Nghị quyết HĐND tỉnh đã thông qua	Diện tích thu hồi đất (m ²)	Diện tích CMD theo Đ58 (m ²)	Diện tích thu hồi đất (m ²)	Diện tích CMD theo Đ58 (m ²)	Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ (chưa có rừng)	Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa đất rừng PH đất rừng ĐD)							
								Đất ruộng lúa 2 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ									
1	2	3	4	5	6	7 = 8+13	8 = 9 +...+12	9	10	12	13	14	15	16	17	Số ký hiệu văn bản ghi vốn, Quyết định chủ trương đầu tư	CỘNG BẢO SƠN LẠNH	Nguồn vốn
1	Khu dân cư bản Nà Bó	Xã Mường Sang, huyện Mộc Châu	137 NQ-HĐND; 138 NQ-HĐND ngày 10/12/2015	30.000	30.000	29.631	24.116		24.116		5.515	KĐT	-369	5.884	2584 QĐ-UBND ngày 28/9/2021			

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 77/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 16 tháng 3 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc đổi tên bản Lằm thành bản Lằm Cút,
xã Mường Bon huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 16/TTr-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 171/BC-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh và thảo luận tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đổi tên bản Lằm thành bản Lằm Cút, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 16 tháng 3 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Nội vụ, Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, HĐND; UBND, UBMTTQVN huyện Mai Sơn;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, PC, Phòng CTHĐND, Công.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 78/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 16 tháng 3 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công
sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số 24/TTr-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh tại; Báo cáo thẩm tra số 197/BC-VHXX ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La (có Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 16 tháng 3 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Y tế, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Tài Nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải;
- Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, ĐDBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường, thị trấn;
- Các Trung tâm: Thông tin tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT. Bắc.

CHỦ TỊCH**(Đã ký)****Nguyễn Thái Hưng**

Phụ lục
DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA
(Kèm theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 16/3/2022 của HĐND tỉnh)

STT	Dịch vụ
I	Lĩnh vực sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch
1	Dịch vụ Văn hóa
1.1	Văn hóa cơ sở
1.2	Di sản văn hóa
1.3	Nghệ thuật biểu diễn cơ sở; dân ca dân nhạc, dân vũ truyền thống dân gian một số dân tộc
1.4	Hoạt động Thư viện
2	Dịch vụ thể dục, thể thao
2.1	Giám định khoa học vận động viên
2.2	Giải thi đấu thể thao trong tỉnh
2.3	Tham gia thi đấu thể thao khu vực và toàn quốc
2.4	Đào tạo vận động viên, huấn luyện viên
3	Dịch vụ du lịch
3.1	Tổ chức Farmtrip, khảo sát, giới thiệu điểm đến; xây dựng các Tour, tuyến du lịch trong và ngoài tỉnh
3.2	Tổ chức và tham gia Hội chợ, Hội nghị du lịch trong tỉnh, trong nước và quốc tế
3.3	Xây dựng nội dung và xuất bản ấn phẩm quảng bá sản phẩm và dịch vụ du lịch (<i>tập gấp, chuyên mục, ấn phẩm, videoclip, tập ảnh, bản đồ...</i>)
3.4	Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ du lịch
3.5	Hỗ trợ điểm trưng bày, cung cấp thông tin, quảng bá, xúc tiến về du lịch
II	Lĩnh vực sự nghiệp Y tế - Dân số
1	Dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu
1.1	Dịch vụ tiêm chủng mở rộng đối với trẻ em, phụ nữ tuổi sinh đẻ, phụ nữ có thai phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc đối với các bệnh truyền nhiễm thuộc Chương trình tiêm chủng mở rộng
1.2	Dịch vụ tiêm chủng đối với người có nguy cơ mắc bệnh truyền nhiễm tại vùng có dịch bắt buộc phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế đối với các bệnh có vắc xin, sinh phẩm y tế phòng bệnh theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
1.3	Dịch vụ tiêm chủng đối với người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cử đến vùng có dịch

STT	Dịch vụ
1.4	Các dịch vụ xử lý y tế (<i>thực hiện các biện pháp sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế, cách ly y tế, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh truyền nhiễm, trung gian truyền bệnh và các biện pháp y tế khác</i>) để cắt đứt nguồn lây tại khu vực nơi có người bệnh hoặc ổ dịch truyền nhiễm; Các dịch vụ phục vụ công tác giám sát, điều tra, xác minh dịch.
1.5	Các dịch vụ phục vụ công tác kiểm tra, giám sát các điều kiện về vệ sinh lao động; môi trường làm việc của người lao động; phòng, chống bệnh nghề nghiệp; phòng, chống tai nạn thương tích; xử lý chất thải gây ô nhiễm môi trường
1.6	Các dịch vụ kiểm dịch y tế biên giới, y tế dự phòng
1.7	Các dịch vụ về khám, theo dõi sức khỏe định kỳ cho trẻ em và phụ nữ mang thai; chăm sóc sức khỏe ban đầu; tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục phù hợp với độ tuổi trẻ em
2	Dịch vụ khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng
2.1	Chăm sóc, nuôi dưỡng, điều trị người bệnh phong, tâm thần, HIV/AIDS giai đoạn cuối tại các cơ sở y tế công lập
2.2	Khám và điều trị người mắc bệnh dịch thuộc nhóm A và một số bệnh thuộc nhóm B đang lưu trú tại vùng có dịch bệnh, người đang bị áp dụng các biện pháp cách ly y tế nhưng có dấu hiệu tiến triển thành mắc bệnh truyền nhiễm theo quy định của Chính phủ
2.3	Cấp cứu, điều trị người bị thiên tai, thảm họa theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2.4	Khám và điều trị ARV cho người nhiễm HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con
2.5	Khám sức khỏe, chi phí điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho các đối tượng tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện trong cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, trại giam, trại tam giam
2.6	Khám và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone và điều trị nghiện bằng thuốc Buprenorphine cho một số đối tượng theo quy định của pháp luật
2.7	Khám và điều trị bệnh lao, phổi theo quy định của pháp luật
3	Dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định
3.1	Các dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, an toàn thực phẩm, kiểm định vắc xin, sinh phẩm y tế (<i>bao gồm cả chi phí mua, vận chuyển, bảo quản mẫu</i>) theo quyết định của cấp có thẩm quyền để phục vụ công tác quản lý nhà nước (<i>thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hóa</i>)
4	Dịch vụ giám định
4.1	Các dịch vụ giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần
5	Dịch vụ y tế khác

STT	Dịch vụ
5.1	Dịch vụ truyền thông, giáo dục sức khỏe về: phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm và bệnh chưa rõ nguyên nhân; phòng, chống bệnh nghề nghiệp; phòng, chống tai nạn thương tích; nâng cao sức khỏe; dinh dưỡng cộng đồng; an toàn thực phẩm và các yếu tố có hại đến sức khỏe và môi trường sống; sức khỏe trường học và phòng, chống bệnh tật học đường
5.2	Các dịch vụ về chỉ đạo tuyến, nâng cao năng lực cho tuyến dưới.
5.3	Các dịch vụ phục vụ sinh hoạt của người đang bị áp dụng các biện pháp cách ly y tế nhưng có dấu hiệu tiến triển thành mắc bệnh truyền nhiễm theo quy định của Chính phủ
III	Lĩnh vực sự nghiệp giáo dục và đào tạo
1	Dịch vụ giáo dục mầm non và phổ thông
1.1	Giáo dục mầm non
1.2	Giáo dục phổ thông (tiểu học, THCS, THPT)
2	Dịch vụ giáo dục cao đẳng sư phạm mầm non
2.1	Cao đẳng sư phạm mầm non
3	Dịch vụ giáo dục thường xuyên
3.1	Đào tạo liên kết, liên thông văn bằng hai, đào tạo từ xa
3.2	Giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông
4	Dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức
4.1	Đào tạo bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ ngắn hạn
5	Dịch vụ khác
5.1	Kiểm định chất lượng giáo dục, đào tạo
5.2	Dịch vụ tư vấn giáo dục và đào tạo
5.3	Lập quy hoạch giáo dục và đào tạo
5.4	Biên soạn sách, chỉnh lý tài liệu, giáo trình, tài liệu giáo dục địa phương
5.5	Bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài
5.6	Dịch vụ khác
6	Dịch vụ giáo dục đại học
IV	Lĩnh vực sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp
1	Dịch vụ đào tạo trình độ cao đẳng
1.1	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản
1.2	Khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật, khách sạn, du lịch

STT	Dịch vụ
1.3	Y dược
2	Dịch vụ đào tạo trình độ trung cấp
2.1	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản
2.2	Khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật, khách sạn, du lịch
2.3	Y dược
3	Dịch vụ đào tạo trình độ sơ cấp nghề, đào tạo nghề dưới 3 tháng
3.1	Đào tạo sơ cấp
3.2	Đào tạo nghề dưới 3 tháng
V	Lĩnh vực sự nghiệp khoa học và công nghệ
1	Dịch vụ hoạt động khoa học và công nghệ
1.1	Công bố, xuất bản, truyền thông, khai thác, ứng dụng nhiệm vụ KH&CN và phát triển công nghệ
2	Dịch vụ phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ
2.1	Xây dựng và quản trị hạ tầng thông tin, quản trị hạ tầng công nghệ thông tin KH&CN
2.2	Tổ chức các chợ công nghệ và thiết bị, hoạt động trình diễn, kết nối cung - cầu công nghệ, các trung tâm giao dịch công nghệ, triển lãm KH&CN, tổ chức các sự kiện, hội nghị kêu gọi vốn đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo
2.3	Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin và truyền thông KH&CN. Xây dựng, duy trì và phát triển cổng thông tin KH&CN. Hoạt động thư viện, thống kê trong lĩnh vực KH&CN. Duy trì và phát triển cơ sở dữ liệu về KH&CN.
2.4	Thông tin, truyền thông trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, năng lượng nguyên tử, an toàn và bức xạ hạt nhân
3	Dịch vụ lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng
3.1	Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường
3.2	Kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, chuẩn đo lường
3.3	Thử nghiệm chất lượng sản phẩm hàng hóa phục vụ quản lý nhà nước
3.4	Xây dựng và tư vấn áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong hoạt động của cơ quan nhà nước
VI	Lĩnh vực sự nghiệp bảo vệ môi trường
1	Dịch vụ Môi trường
1.1	Quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường tỉnh có tính chất chỉ thường xuyên thuộc trách nhiệm của cơ quan Tài nguyên và Môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường, Luật Đa dạng sinh học

STT	Dịch vụ
1.2	Quan trắc môi trường tỉnh; thống kê môi trường tỉnh; lập báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh, báo cáo chuyên đề về môi trường theo yêu cầu <i>(nếu có)</i>
1.3	Quản lý và vận hành hệ thống quan trắc tự động
1.4	Giám sát, kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm các hoạt động trong lĩnh vực sự nghiệp bảo vệ môi trường
2	Dịch vụ bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
2.1	Lập, điều tra, lập danh mục, đánh giá khả năng xâm nhập để có biện pháp phòng ngừa, kiểm soát loài ngoại lai xâm hại
2.2	Quan trắc, phân tích và xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học; xây dựng và thử nghiệm mô hình bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học
2.3	Điều tra, thống kê, kiểm kê đánh giá và lập báo cáo hiện trạng về đa dạng sinh học; Xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ
VII	Lĩnh vực sự nghiệp thông tin và truyền thông
1	Dịch vụ công nghệ thông tin
1.1	Điều phối hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của các cơ quan Đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội
1.2	Thu thập, phân tích và cảnh báo nguy cơ, sự cố tấn công mạng cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội
1.3	Diễn tập phòng chống tấn công mạng đảm bảo an toàn thông tin cho các lĩnh vực quan trọng của Đảng, Nhà nước
1.4	Giám sát phòng, chống, ngăn chặn thư rác, tin nhắn tác cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội
1.5	Giám sát an toàn thông tin cho các lĩnh vực quan trọng và hệ thống thông tin phục vụ Chính quyền điện tử
1.6	Rà quét, xử lý mã độc cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội
1.7	Kiểm định an toàn thông tin cho các sản phẩm, giải pháp hệ thống thông tin quan trọng <i>(cấp độ 2 và 3 của cơ quan nhà nước trước khi đưa vào sử dụng)</i>
1.8	Kiểm tra, đánh giá, phát hiện lỗ hổng bảo mật, điểm yếu an toàn thông tin cho các cơ quan nhà nước
2	Dịch vụ báo chí, xuất bản và thông tin cơ sở
2.1	Thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị
2.2	Thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ đảm bảo an ninh - quốc phòng
2.3	Thông tin tuyên truyền phục vụ tuyên truyền đối ngoại

STT	Dịch vụ
2.4	Thông tin tuyên truyền phục vụ thiếu niên, nhi đồng, người khiếm thính, khiếm thị, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và các nhiệm vụ trọng yếu khác phù hợp với từng thời kỳ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
2.5	Đo lường mức độ tiếp cận, sử dụng thông tin của khán giả phục vụ đánh giá hiệu quả nội dung thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh - quốc phòng, đối ngoại và phát triển kinh tế - xã hội
3	Dịch vụ khác
3.1	In ấn, xuất bản công báo tỉnh
3.2	Cung cấp thông tin trên cổng thông tin điện tử Sơn La
VIII	Các hoạt động kinh tế, sự nghiệp khác
A	Hoạt động kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn
1	Dịch vụ lĩnh vực thủy lợi
1.1	Tuyên truyền, tập huấn về thủy lợi, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn
1.2	Điều tra, thu thập, tổng hợp số liệu đánh giá sử dụng nước sinh hoạt nông thôn để thực hiện công tác theo dõi, đánh giá bộ chỉ số nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm tra, đánh giá chất lượng nước tại hộ gia đình vùng nguồn nước bị ô nhiễm
1.3	Phân tích, kiểm định đánh giá chất lượng nước sạch đối với các cơ sở sản xuất nước sạch nông thôn
1.4	Quản lý, khai thác công trình thủy lợi
1.5	Quản lý, vận hành công trình nước sạch sinh hoạt tập trung nông thôn
2	Dịch vụ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật cấp xã
2.1	Công tác thông tin, tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ
2.2	Công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng
2.3	Công tác tham gia hướng dẫn và chỉ đạo sản xuất tại địa phương
2.4	Công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật
2.5	Thông kê tiến độ sản xuất các đối tượng cây trồng trên địa bàn phụ trách
2.6	Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định.
3	Dịch vụ lĩnh vực chăn nuôi, Thú y và Thủy sản cấp xã
3.1	Tham gia xây dựng và thực hiện hoặc phối hợp thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến khích phát triển và chuyển đổi cơ cấu vật nuôi (bao gồm cả thủy sản) trong sản xuất nông nghiệp;

STT	Dịch vụ
3.2	Tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách và chuyên môn nghiệp vụ về chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, thú y;
3.3	Phối hợp thẩm định điều kiện chăn nuôi; hướng dẫn thực hiện các quy định về phòng bệnh bắt buộc cho động vật, cách ly động vật, mua bán động vật, sản phẩm động vật, vệ sinh, khử trùng tiêu độc; việc sử dụng vắc xin, tiêm phòng vắc xin phòng chống dịch bệnh động vật;
3.4	Giám sát dịch bệnh;
3.5	Báo cáo định kỳ, đột xuất về hoạt động chăn nuôi theo quy định;
3.6	Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định.
4	Dịch vụ lĩnh vực lâm nghiệp
4.1	Bảo vệ và phát triển rừng tại các doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh
4.1.1	Khoán, hỗ trợ bảo vệ rừng
4.1.2	Trồng rừng
4.1.3	Trồng cây phân tán
4.1.4	Khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên
4.1.5	Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định
4.2	Bảo tồn, cứu hộ, phục hồi sinh thái và tài nguyên rừng
4.2.1	Bảo tồn, cứu hộ, phục hồi sinh thái và tài nguyên rừng
4.2.2	Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định
5	Dịch vụ khác
5.1	Hoạt động khuyến nông
5.1.1	Xây dựng dự án, mô hình
5.1.2	Thông tin, tuyên truyền
5.1.3	Đào tạo
5.1.4	Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định
5.2	Đào tạo nghề nông nghiệp (sơ cấp nghề, đào tạo nghề dưới 03 tháng) cho lao động nông thôn
5.2.1	Đào tạo nghề ngắn hạn
5.2.2	Đào tạo nghề cấp chứng chỉ
5.2.3	Thực hiện các nhiệm vụ khác
B	Hoạt động kinh tế giao thông vận tải
1	Dịch vụ lĩnh vực đường bộ

STT	Dịch vụ
1.1	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương)
1.2	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe tải, xe van, xe khách, xe cứu thương
C	Hoạt động kinh tế tài nguyên và môi trường
1	Dịch vụ lĩnh vực quản lý đất đai
1.1	Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng cấp tỉnh, cấp huyện
1.2	Thông kê, kiểm kê đất đai và thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất
1.3	Điều tra, đánh giá đất đai chất lượng, tiềm năng đất đai, thoái hóa đất đai, ô nhiễm, phân hạng đất nông nghiệp; Điều tra, thống kê giá đất; theo dõi biến động giá đất; Xây dựng và duy trì hệ thống quan trắc giám sát tài nguyên đất
1.4	Xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể
1.5	Lập hồ sơ địa chính, đăng ký, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
1.6	Khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật - dự toán các hoạt động trong lĩnh vực đất đai
1.7	Đo đạc bản đồ và viễn thám: - Đo đạc lập bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, trích đo đặc địa chính, chỉnh lý, trích lục bản đồ địa chính - Xử lý dữ liệu ảnh viễn thám - Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia - Khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật - dự toán các hoạt động trong lĩnh vực Đo đạc bản đồ và viễn thám - Giám sát, kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm các hoạt động trong lĩnh vực đo đạc bản đồ và viễn thám
1.8	Đấu giá quyền sử dụng đất
1.9	Lập, thẩm định, tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất
1.10	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai
1.11	Giám sát, kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm của các hoạt động trong lĩnh vực đất đai
2	Dịch vụ lĩnh vực tài nguyên nước
2.1	Lập và tổ chức thực hiện phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật; lập và thực hiện kế hoạch điều hòa, phân bổ tài nguyên nước, phục hồi nguồn nước ô nhiễm, cạn kiệt

STT	Dịch vụ
2.2	Tổ chức xây dựng, quản lý và thực hiện việc quan trắc tài nguyên nước; xây dựng, quản lý hệ thống giám sát hoạt động tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước; hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước địa phương
2.3	Khoanh định vùng hạn chế, vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất; theo dõi, kiểm tra việc trám lấp giếng không sử dụng theo quy định
2.4	Tổ chức điều tra cơ bản, giám sát tài nguyên nước theo phân cấp; kiểm kê, thống kê, lưu trữ số liệu tài nguyên nước trên địa bàn
2.5	Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước nước sinh hoạt
3	Dịch vụ lĩnh vực địa chất và khoáng sản
3.1	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp pháp của UBND tỉnh
3.2	Thăm dò, đánh giá trữ lượng điểm mỏ khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp pháp của UBND tỉnh
3.3	Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh
4	Dịch vụ lĩnh vực Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu
4.1	Lập kế hoạch phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng địa phương; điều tra, khảo sát, quan trắc và dự báo, cảnh báo về khí tượng thủy văn
4.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh; Thu thập thông tin, dữ liệu và khí tượng thủy văn
4.3	Xây dựng mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ tại các vị trí thuộc địa bàn tỉnh quản lý
5	Dịch vụ khác
5.1	Thu thập, cập nhật, chỉnh lý, bảo quản, lưu trữ, công bố, cung cấp và sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường
5.2	Thông tin, tuyên truyền về tài nguyên và môi trường
5.3	Đào tạo, chuyển giao công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường
5.4	Duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường
D	Hoạt động kinh tế công thương
1	Dịch vụ lĩnh vực điện lực, tiết kiệm năng lượng, hiệu quả
1.1	Khảo sát, đánh giá thực trạng sử dụng năng lượng trong các cơ quan, công sở; xây dựng các mô hình thí điểm tòa nhà công sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
1.2	Dịch vụ kiểm toán năng lượng
1.3	Tư vấn áp dụng mô hình quản lý năng lượng hiệu quả
1.4	Xây dựng cơ sở dữ liệu về sử dụng năng lượng

STT	Dịch vụ
2	Dịch vụ Khuyến công, sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp
2.1	Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn đào tạo về khuyến công và sản xuất sạch hơn trong công nghiệp
2.2	Tổ chức cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước
2.3	Xây dựng các chương trình truyền thanh truyền hình, các bản tin, ấn phẩm tờ rơi, duy trì quản lý cơ sở dữ liệu về các cơ sở sản xuất công nghiệp; trang thông tin điện tử về khuyến công, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp
2.4	Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật
2.5	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới
2.6	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến, dây chuyền công nghệ; chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp
2.7	Tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong và ngoài nước
2.8	Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện, tỉnh
2.9	Hỗ trợ xây dựng, đăng ký nhãn hiệu cho cơ sở công nghiệp nông thôn
2.10	Hỗ trợ cơ sở công nghiệp đầu tư phòng trưng bày để giới thiệu quảng bá sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu
2.11	Hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới;
2.12	Hỗ trợ, tư vấn đánh giá về xử lý ô nhiễm môi trường sản xuất sạch hơn trong công nghiệp và các cụm công nghiệp
2.13	Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết, đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp
2.14	Hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp
3	Dịch vụ Xúc tiến thương mại
3.1	Tổ chức hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước
3.2	Tổ chức phiên chợ hàng Việt về nông thôn
3.3	Tổ chức hoạt động xúc tiến kết nối tiêu thụ các sản phẩm an toàn của tỉnh
3.4	Hỗ trợ thiết kế mẫu mã, bao bì, nhãn mác sản phẩm
3.5	Hỗ trợ đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ hoạt động xúc tiến thương mại (điểm giới thiệu và bán các sản phẩm của tỉnh; thiết bị, dụng cụ phục vụ hoạt động xúc tiến thương mại)

STT	Dịch vụ
4	Dịch vụ lĩnh vực thương mại điện tử
4.1	Phát triển và ứng dụng công nghệ, dịch vụ thương mại điện tử
4.2	Xây dựng hệ thống quản lý thông tin doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; Khai thác thông tin trên Cổng thông tin thị trường trong và ngoài nước
4.3	Hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ứng dụng thương mại điện tử
4.4	Xây dựng, quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Sơn La
Đ	Hoạt động kinh tế xây dựng
1	Dịch vụ xây dựng cơ sở dữ liệu, đo đạc, thành lập bản đồ chuyên ngành xây dựng
1.1	Duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh.
1.2	Dịch vụ xây dựng cơ sở dữ liệu, đo đạc, thành lập bản đồ chuyên ngành xây dựng
2	Dịch vụ lập các đồ án quy hoạch theo phân cấp
2.1	Quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị
2.2	Quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu chức năng
2.3	Quy hoạch xây dựng nông thôn.
2.4	Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật (<i>Cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn, nghĩa trang, cây xanh, chiếu sáng</i>)
3	Dịch vụ nghiên cứu thiết kế điển hình, thiết kế mẫu trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành xây dựng
3.1	Nghiên cứu thiết kế điển hình, thiết kế mẫu gồm: <i>trụ sở cơ quan, các công trình công cộng, trường học, nhà ở, các công trình văn hoá,...</i>
4	Dịch vụ xây dựng cơ sở dữ liệu, đo đạc, thành lập bản đồ chuyên ngành xây dựng
4.1	Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh
4.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý về hệ thống định mức, giá xây dựng, giá ca máy, giá thuê máy, giá nhân công, giá vật liệu xây dựng và chỉ số giá xây dựng
5	Dịch vụ khác
5.1	Giám định xây dựng
5.2	Giám định tư pháp xây dựng
5.3	Kiểm định xây dựng: Thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình trong quá trình thi công xây dựng công trình
5.4	Dịch vụ Kiểm tra nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng và công tác kiểm tra nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng
5.5	Lập định mức, giá xây dựng, giá ca máy, giá thuê máy, giá nhân công, giá đền bù nhà cửa vật kiến trúc, giá vật liệu xây dựng và chỉ số giá xây dựng, thí nghiệm vật liệu xây dựng

STT	Dịch vụ
5.6	Lập và điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh
5.7	Dịch vụ chỉnh trang đô thị thường xuyên khác (<i>treo cờ, quét vôi, sơn đường</i>).
5.8	Công tác kiểm tra hiện tượng thực tế trong quá trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh
5.9	Công tác kiểm tra sau cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh
5.10	Công tác thí nghiệm, kiểm tra chất lượng vật liệu trên địa bàn tỉnh
5.11	Tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư trong quá trình lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị
E	Lĩnh vực sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội
1	Dịch vụ chăm sóc, điều dưỡng người có công
2	Dịch vụ về việc làm
2.1	Cung ứng lao động
2.2	Hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm
2.3	Thu thập thông tin người tìm việc
2.4	Thu thập thông tin việc làm trống
3	Dịch vụ đưa người đi lao động ở nước ngoài
4	Dịch vụ trợ giúp xã hội và bảo vệ chăm sóc trẻ em; dịch vụ xã hội trong cơ sở bảo trợ xã hội
5	Dịch vụ phòng chống tệ nạn xã hội
5.1	Cai nghiện ma túy tại cơ sở điều trị
6	Dịch vụ về an toàn vệ sinh lao động
6.1	Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động
G	Lĩnh vực tư pháp
I	Dịch vụ trợ giúp pháp lý
1	Cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật
2	Tiếp nhận, cung cấp thông tin về trợ giúp pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý theo quy định của luật
3	Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng trợ giúp pháp lý đối với người thực hiện trợ giúp pháp lý
II	Dịch vụ khác
1	Dịch vụ đấu giá tài sản
2	Dịch vụ công chứng

STT	Dịch vụ
H	Lĩnh vực sự nghiệp khác
1	Dịch vụ cung cấp điện, nước cấp và xử lý nước thải Khu công nghiệp
1.1	Quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng và kinh doanh Hệ thống cấp nước Khu công nghiệp
1.2	Quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng và kinh doanh Hệ thống xử lý nước thải Khu công nghiệp
1.3	Quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng và kinh doanh Hệ thống cấp điện Khu công nghiệp
2	Dịch vụ tư vấn hỗ trợ và xúc tiến đầu tư
2.1	Xây dựng các chương trình, kế hoạch tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư
2.2	Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư trong và ngoài tỉnh, trong và ngoài nước để kêu gọi đầu tư vào địa bàn tỉnh Sơn La
2.3	Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư; Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động xúc tiến đầu tư; xây dựng danh mục dự án mời gọi đầu tư
2.4	Tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về môi trường đầu tư, chính sách, tiềm năng, cơ hội và kết nối đầu tư
2.5	Tổ chức hội thảo, chương trình cà phê doanh nhân
2.6	Đào tạo khởi sự doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh. Liên kết đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn trong lĩnh vực kế hoạch, đầu tư, đấu thầu
2.7	Bồi dưỡng tập huấn nâng cao năng lực và các kỹ năng cho doanh nghiệp có hoạt động đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.
3	Dịch vụ lưu trữ
3.1	Chỉnh lý tài liệu lưu trữ
3.2	Bảo quản tài liệu lưu trữ tại Lưu trữ lịch sử tỉnh
3.3	Tổ chức khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ tại Lưu trữ lịch sử tỉnh
3.4	Tiêu hủy tài liệu hết giá trị
3.5	Ứng dụng công nghệ thông tin cho hoạt động (số hóa tài liệu lưu trữ)
3.6	Lập hồ sơ đối với tài liệu lưu trữ
3.7	Thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao tuổi thọ cho tài liệu lưu trữ
4	Dịch vụ thuộc lĩnh vực thanh thiếu nhi, đoàn đội
4.1	Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ thể dục, thể thao cho Thanh thiếu nhi
4.2	Tổ chức hoạt động công tác Đoàn - Hội - Đội; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ kỹ năng công tác Đoàn - Hội - Đội
4.3	Tư vấn hướng nghiệp, giới thiệu việc làm cho đoàn viên thanh thiếu niên
4.4	Đào tạo, bồi dưỡng, kỹ năng, phát triển năng khiếu cho thanh thiếu nhi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 161/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 25 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bỏ căn cứ pháp lý và đính chính Quyết định số
52/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh quy định
hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật năm 2015 ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp
thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 23/TTr-STC ngày 19 tháng 01
năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bỏ căn cứ pháp lý và đính chính Khoản 1, Điều 3 Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sơn La, như sau:

1. Bỏ căn cứ “*Công văn số 203/TT HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thường trực HĐND tỉnh về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sơn La*” tại Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh.

2. Đính chính Khoản 1, Điều 3 Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh, như sau:

- Tại Khoản 1, Điều 3 ghi là: “*Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022*”.

- Nay đính chính lại là: “*Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2022*”.

Điều 2. Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ (B/c);
- TT HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung Tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, Hà 100 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/CT-UBND

Sơn La, ngày 09 tháng 02 năm 2022

CHỈ THỊ

Về việc đơn đốc thực hiện hiệu quả nhiệm vụ sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022

Trước những khó khăn, thách thức lớn của năm 2021, nhất là tác động, ảnh hưởng nghiêm trọng trên nhiều mặt của đại dịch COVID-19 và thiên tai, dịch bệnh, nhưng với sự quyết tâm cao, sự vào cuộc khẩn trương, kịp thời của cả hệ thống chính trị, sự chung sức, đồng tình ủng hộ của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, dịch COVID-19 đã từng bước được kiểm soát trên phạm vi toàn tỉnh, nhờ đó các hoạt động kinh tế - xã hội đã và đang nhanh chóng phục hồi và phát triển; đời sống của nhân dân cơ bản được bảo đảm mặc dù còn có khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh.

Để chuẩn bị tốt các điều kiện phục vụ nhân dân đón Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022, các cấp, các ngành đã tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 11-CT/TW tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; khẩn trương chỉ đạo và triển khai các mặt công tác để tổ chức Tết an toàn, tri ân, nghĩa tình, vui tươi, lành mạnh, tiết kiệm với tinh thần “không để ai không có Tết”.

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố đã rất quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, xác định nhiệm vụ phòng chống dịch là quan trọng nhất; không lơ là chủ quan, mất cảnh giác, không để bị động, bất ngờ trong ứng phó với diễn biến của đại dịch; không ban hành các quy định phòng, chống dịch trái với hoặc cao hơn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Y tế; đồng thời, tiếp tục thúc đẩy, phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Trong dịp Tết, nhiều biện pháp đồng bộ đã được tỉnh triển khai để phòng, chống dịch COVID-19, nhân dân toàn tỉnh đã đón Tết trong không khí sum vầy, vui tươi, lành mạnh, tiết kiệm; an toàn, an ninh, an dân và an sinh xã hội cơ bản được đảm bảo... Các cấp, các ngành thực hiện nghiêm chế độ trực Tết; luôn sẵn sàng và bảo đảm chủ động đối với mọi tình hình dịch bệnh trên địa bàn. Các cấp, các ngành, các đoàn thể, tổ chức, cộng đồng doanh nghiệp đã quan tâm, có nhiều giải pháp, hành động cụ thể, thực hiện kịp thời, đầy đủ các chính sách người có công, bảo trợ xã hội, chăm lo các đối tượng chính sách, người có hoàn cảnh khó khăn. Thị trường, giá cả được quản lý tốt, không để xảy ra thiếu hàng, tăng giá bất hợp lý.

Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật mừng Đảng, mừng Xuân, đón năm mới được tổ chức phong phú, đa dạng, phù hợp với tình hình và bảo đảm yêu cầu

phòng, chống dịch. Công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm, thực hiện tốt. Các hoạt động thông tin, tuyên truyền về những thành tựu của đất nước, của tỉnh, các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân, chào mừng ngày thành lập Đảng được tăng cường. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội trong dịp Tết được giữ vững, các mục tiêu, địa bàn trọng điểm được bảo vệ tuyệt đối an toàn, không để xảy ra điểm nóng về an ninh, trật tự.

UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ghi nhận, đánh giá rất cao và biểu dương tinh thần quyết tâm và sự nỗ lực của Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các lực lượng chức năng đã tổ chức thực hiện đầy đủ, đồng bộ và đạt kết quả tốt các nhiệm vụ trong dịp Tết, nhất là đội ngũ y, bác sĩ, nhân viên y tế, lực lượng công an, quân đội trong công tác phòng chống dịch; các cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang đã ngày đêm canh giữ, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ cuộc sống bình yên cho nhân dân.

Trước bối cảnh đại dịch COVID-19 dự báo thời gian tới còn diễn biến phức tạp, khó lường và biến động của tình hình trong nước, khu vực; tỉnh ta sẽ tiếp tục phải đối diện với rất nhiều khó khăn, thách thức trong khi nguồn lực còn hạn chế, sức chống chịu của người dân, doanh nghiệp đã bị giảm sút do ảnh hưởng của đại dịch kéo dài hai năm qua. Do đó, các cấp, các ngành, các huyện, thành phố địa phương và cả hệ thống chính trị, doanh nghiệp và nhân dân toàn tỉnh phải nỗ lực, quyết tâm cao hơn nữa trong các hoạt động chỉ đạo, điều hành cũng như trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, đời sống xã hội để sớm khắc phục những khó khăn, thách thức, tranh thủ thời gian để đẩy nhanh quá trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về phiên họp thường kỳ tháng 01 năm 2022; Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về đơn đốc thực hiện hiệu quả nhiệm vụ sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu:

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố quyết tâm, nỗ lực trong triển khai các Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2022, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh, Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh với tinh thần *“Đoàn kết, kỷ cương, chủ động thích ứng, an toàn hiệu quả, phục hồi phát triển”*; theo chức năng, nhiệm vụ được giao, quán triệt và quyết liệt, nhất quán thực hiện đa mục tiêu trong phòng, chống dịch COVID-19 và phục hồi, phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội; trong đó:

a) Tuyệt đối không chủ quan với dịch bệnh, từ những kinh nghiệm đã có, chủ động theo dõi, bám sát tình hình, chuẩn bị các kịch bản, giải pháp để ứng phó hiệu quả với diễn biến dịch bệnh; tiếp tục thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải

pháp phòng, chống dịch COVID-19 đã đề ra theo các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, trong đó có Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ về ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”; các Chỉ thị, Công điện, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh. Đồng thời, phải bắt tay ngay vào công việc ngay sau kỳ nghỉ Tết để thúc đẩy mạnh mẽ và từng bước nhanh chóng mở lại các hoạt động sản xuất, kinh doanh, các hoạt động kinh tế - xã hội, tạo khí thế phấn khởi ngay từ đầu năm để phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra của năm

b) Các sở, ban, ngành, huyện, thành phố tiếp tục tập trung nguồn lực, tổ chức thực hiện thần tốc Chiến dịch tiêm Vaccine Mùa xuân năm 2022, bảo đảm an toàn, khoa học, hiệu quả và đạt các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.

c) Khẩn trương tham mưu triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ (*Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các ngành liên quan theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 392/UBND-TH ngày 07 tháng 02 năm 2022*)

d) Tiếp tục tập trung kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, đề xuất sửa đổi, hoàn thiện các quy định pháp luật không còn phù hợp, chồng chéo hoặc chưa đầy đủ, còn vướng mắc, bất cập đã được rà soát, phát hiện. Tăng cường đối thoại, tham vấn, tiếp thu ý kiến của các hiệp hội, doanh nghiệp để tháo gỡ ngay các vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật nhằm cải thiện thực chất môi trường đầu tư kinh doanh. Nâng cao chất lượng công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật theo định hướng chuyển đổi số; đẩy mạnh truyền thông chính sách pháp luật.

e) Khẩn trương rà soát, phân bổ, giao chi tiết số vốn còn lại của kế hoạch đầu tư công năm 2022 và tổ chức thực hiện quyết liệt các biện pháp thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 393/UBND-TH ngày 07 tháng 02 năm 2022.

g) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp kiềm chế, giảm thiểu tai nạn giao thông; tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm là nguyên nhân gây ra tai nạn giao thông.

h) Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi kinh doanh hàng nhập lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng, vi phạm về an toàn thực phẩm, gian lận xuất xứ hàng hóa.

i) Thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Công an tỉnh chủ trì đôn đốc thực hiện).

k) Thực hiện đầy đủ, hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, nhất là chính sách ưu đãi người có công, giảm nghèo, chăm lo đời sống người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em mồ côi. Tăng cường công tác phòng, chống xâm hại trẻ em, phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em, phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; bảo đảm duy trì các dịch vụ trợ giúp xã hội.

2. Sở Y tế

a) Chủ động liên hệ với Bộ Y tế và chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành, huyện, thành phố tham mưu thực hiện Chương trình tổng thể phòng, chống dịch 2022 - 2023 sau khi Chính phủ ban hành Chương trình. Phân phối kịp thời Vaccine, nhất là Vaccine cho trẻ em từ 05 đến dưới 12 tuổi, thuốc điều trị COVID-19

b) Sơ kết, đánh giá để bổ sung, hoàn thiện các nguyên lý, công thức phòng, chống dịch đã có, kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với diễn biến tình hình mới. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, huyện, thành phố tiếp tục rà soát, hướng dẫn và triển khai thực hiện các biện pháp y tế, bảo đảm an toàn phòng, chống dịch COVID-19 phù hợp với lộ trình mở cửa lại du lịch, vận tải hàng không, các hoạt động dịch vụ giải trí, văn hóa, nghệ thuật, thể thao và mở cửa lại trường học.

c) Hướng dẫn các cơ sở y tế có phương án thường trực, dự trữ cơ sở máu, thuốc, dịch truyền, ôxy y tế, vật tư, hóa chất, bố trí cơ sở giường bệnh, phương tiện cấp cứu ngoại viện để sẵn sàng đáp ứng, bảo đảm tốt công tác phòng, chống dịch và thu dung, điều trị, khám bệnh, chữa bệnh thường quy; chỉ đạo, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện quản lý chất thải y tế, nhất là chất thải trong phòng, chống dịch COVID-19, không để phát tán mầm bệnh ra bên ngoài và không gây ô nhiễm môi trường.

d) Rà soát, thực hiện tốt chính sách, chế độ đãi ngộ, động viên đội ngũ y, bác sỹ, các lực lượng tuyến đầu, người tình nguyện tham gia phòng, chống dịch, không để ai bị thiệt thòi, bất bình đẳng trong quá trình tham gia phòng, chống dịch. Kịp thời đề xuất tôn vinh, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc nhân Ngày Thầy thuốc Việt Nam 27 tháng 2 để tiếp tục khơi dậy lòng nhiệt huyết, dấn thân của đội ngũ y, bác sỹ tuyến đầu chống dịch, những người đã cống hiến, hy sinh vì sức khỏe, tính mạng nhân dân.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ động liên hệ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và chuẩn bị sẵn phương án kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 2), trình cấp có thẩm quyền giao chi tiết ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định.

b) Đôn đốc đơn vị tư vấn đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Phối hợp với Sở Nội vụ khẩn trương trình thành lập Ban Chỉ đạo chung cho các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh và quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đề xuất giải pháp huy động nguồn lực thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội gắn với tiến độ triển khai các nhiệm vụ của Chương trình, bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí.

4. Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, địa phương liên quan

a) Triển khai việc giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đẩy mạnh lộ trình cải cách thuế, chống thất thu, chuyển giá, trốn thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế; triển khai hóa đơn điện tử theo đúng lộ trình quy định.

b) Quản lý chặt chẽ các nguồn thu, phấn đấu tăng thu, triệt để tiết kiệm chi ngân sách nhà nước ngay từ khâu phân bổ, nhất là chi thường xuyên, đặc biệt là chi sự nghiệp có tính chất đầu tư; thu hồi các khoản kinh phí chi thường xuyên chậm phân bổ, chậm triển khai.

5. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Sơn La

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hệ thống các tổ chức tín dụng. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng, đẩy mạnh xử lý nợ xấu, kiểm soát và hạn chế tối đa nợ xấu mới phát sinh. Khuyến khích các tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí để phấn đấu giảm lãi suất cho vay, tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho doanh nghiệp, người dân; hướng tín dụng vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với cơ quan, huyện, thành phố

a) Theo dõi chặt chẽ, nắm tình hình lao động để kịp thời có phương án hỗ trợ doanh nghiệp khắc phục tình trạng thiếu hụt lao động sau Tết, hỗ trợ người lao động quay trở lại nơi làm việc, nhất là các khu vực đang vào đà phục hồi, khôi phục và phát triển. Tăng cường các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối cung cầu lao động, đáp ứng đủ lao động cho các địa phương, nhất là tại các vùng kinh tế trọng điểm, các ngành nghề sử dụng nhiều lao động.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương cho học sinh, sinh viên trở lại học tập trung tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm an toàn dịch bệnh. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo duy trì việc làm từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ.

c) Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan, các huyện, thành phố tham mưu triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Theo dõi sát tình hình thời tiết, chỉ đạo, hướng dẫn các huyện, thành phố có kế hoạch sản xuất phù hợp, có giải pháp đề phòng rét đậm, rét hại ảnh hưởng đến cây trồng, vật nuôi, bảo đảm đạt mục tiêu đã đề ra của năm 2022; đẩy mạnh trồng rừng.

b) Phối hợp chặt chẽ với Sở Công thương theo dõi tình hình cung cầu vật tư nông nghiệp thiết yếu và các mặt hàng nông sản; chủ động có biện pháp xử lý kịp thời, không để xảy ra tình trạng khan hiếm hoặc ứ ứ vật tư, nông sản; kiên quyết xử lý các trường hợp cố tình vi phạm pháp luật, trục lợi bất chính.

c) Chủ động liên kết với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nắm nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (*đã được hoàn thiện*), trên cơ sở đó, chủ trì phối hợp với các ngành, các huyện, thành phố hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết và Đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

8. Sở Công thương

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành, các huyện, thành phố thúc đẩy các hoạt động sản xuất công nghiệp, nhất là năng lượng ngay từ đầu năm; tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, phục hồi chuỗi cung ứng, tiêu thụ hàng hóa nông sản của tỉnh.

b) Theo dõi, đánh giá nguồn cung, nhu cầu hàng hóa, nhất là các hàng hóa thiết yếu như xăng dầu, vật tư nông nghiệp ... để chủ động có phương án bảo đảm cân đối cung cầu.

c) Tận dụng tốt các cơ hội mở cửa thị trường để đẩy mạnh xuất khẩu, đặc biệt là vào các thị trường truyền thống.

9. Sở Giao thông vận tải

Chỉ đạo bố trí đủ phương tiện phục vụ nhu cầu đi lại sau Tết của nhân dân, không để hành khách không có phương tiện trở lại làm việc, học tập; tiếp tục hướng dẫn về tổ chức hoạt động vận tải theo đúng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Y tế bảo đảm an toàn dịch bệnh và phù hợp với tình hình thực tế; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi tăng giá vé trái quy định; tăng cường thực hiện các giải pháp bảo đảm điều kiện về an toàn đối với kết cấu hạ tầng, phương tiện và dịch vụ vận tải.

10. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các huyện, thành phố hoàn thiện phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong Quy hoạch cấp tỉnh, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về đất đai, quy hoạch; khẩn trương hoàn chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh 05 năm (2021 - 2025), báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

b) Chỉ đạo, đơn đốc các huyện, thành phố báo cáo thực trạng các dự án có sử dụng đất nhưng chậm triển khai, để hoang hóa, sử dụng sai mục đích, lãng phí đất đai; trên cơ sở đó, chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan xem xét, hướng dẫn xử lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật khác liên quan để đưa quỹ đất vào sử dụng hiệu quả, giải phóng nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội; trường hợp có phát sinh vướng mắc hoặc vượt thẩm quyền, báo cáo đề xuất Chủ tịch phương án xử lý.

c) Chỉ đạo các huyện, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành; nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thu hút nguồn lực xã hội để xử lý, tái chế chất thải, rác thải thay cho chôn lấp; tăng cường tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia bảo vệ môi trường, phân loại rác tại nguồn và thu gom rác thải; triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường như: Phục hồi các hệ sinh thái, ra quân làm sạch môi trường, bảo vệ nguồn nước.

d) Chỉ đạo thanh tra rà soát, chấn chỉnh lại toàn bộ việc cấp phép thăm dò, khai thác các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đất, đá, cát, sỏi), xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

11. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, các cơ quan liên quan chỉ đạo, lên kế hoạch và triển khai kiểm tra các địa phương, các cơ sở giáo dục về việc đưa học sinh đi học trực tiếp gắn với bảo đảm an toàn phòng, chống dịch COVID-19; kịp thời nắm bắt các khó khăn, vướng mắc trong việc dạy học trực tiếp để có biện pháp tháo gỡ theo thẩm quyền và đề xuất nếu vượt quá thẩm quyền.

12. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan rà soát, tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao đạo đức, văn hóa công vụ; khẩn trương đánh giá, rà soát việc sắp xếp các đơn vị hành chính các cấp để đề xuất các bước tiếp theo; tập trung xây dựng kế hoạch nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ cải cách công vụ, công chức; tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

13. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các ngành, các huyện, thành phố tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật.

14. Sở Khoa học và Công nghệ tập trung triển khai Chiến lược phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2030; tiếp tục triển khai các giải pháp cụ thể trong lĩnh vực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phục hồi sản xuất, kinh doanh, khắc phục các tác động tiêu cực của dịch COVID-19.

15. Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố nắm tình hình đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số sau Tết Nguyên đán, kịp thời tham mưu, đề xuất hỗ trợ những hộ nghèo, khó khăn trong những tháng giáp hạt để ổn định đời sống, không để xảy ra tình trạng thiếu đói; cùng các sở, ngành liên quan tham mưu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, trong đó, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025.

16. Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp cùng các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố tăng cường thanh tra công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực quan trọng của các ngành, các cấp và thanh tra việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao của cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhất là các ngành, lĩnh vực, địa phương có dấu hiệu vi phạm, dư luận xã hội phản ánh tiêu cực, tham nhũng, phát sinh nhiều đơn thư khiếu nại, tố cáo. Rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, tồn đọng, kéo dài.

17. Công an tỉnh chỉ đạo các lực lượng chức năng

a) Bảo đảm tuyệt đối an ninh, an toàn hoạt động của lãnh đạo tỉnh, các mục tiêu, công trình trọng điểm, sự kiện chính trị, văn hóa, đối ngoại quan trọng của tỉnh.

b) Tập trung đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, nhất là các loại tội phạm có xu hướng gia tăng trong dịp đầu Xuân như: Tội phạm liên quan đến tín dụng đen, đánh bạc, tổ chức đánh bạc, chiếm đoạt tài sản, gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích... Đấu tranh có hiệu quả với tội phạm tham nhũng, đặc biệt cần đẩy nhanh tiến độ điều tra các vụ án thuộc diện Ban Chỉ đạo phòng; tập trung điều tra, xử lý nghiêm minh những hành vi phạm tội liên quan đến công tác phòng, chống dịch COVID-19.

c) Tăng cường công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm hành vi vi phạm quy định pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, nhất là vi phạm về nồng độ cồn, sử dụng ma túy, chở hàng hóa quá tải trọng, quá số người quy định; cương quyết xử lý và trấn áp đối tượng có hành vi chống người thi hành công vụ trong bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Chủ động công tác phòng, chống cháy nổ tại các cơ sở kinh doanh, khu dân cư tập trung.

18. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh

Theo dõi sát tình hình, chủ động có biện pháp ứng phó kịp thời, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia; chỉ đạo lực lượng chức năng phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương các huyện biên giới tăng cường quản lý biên giới, ngăn chặn triệt để nhập cảnh trái phép, đặc biệt tại các tuyến đường mòn, lối mở. Thực hiện tốt công tác tuyển quân gắn với bảo đảm yêu cầu phòng, chống dịch COVID-19.

19. Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các ngành, các huyện, thành phố triển khai hiệu quả chương trình hoạt động đối ngoại năm 2022; tăng cường các hoạt động ngoại giao kinh tế.

20. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí tiếp tục tập trung tuyên truyền về chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội và công tác phòng, chống dịch COVID-19 theo tinh thần Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ; có những bài viết, phóng sự phản ánh về không khí ra quân thực hiện nhiệm vụ đầu năm mới của các cơ quan, đơn vị, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, miền núi, tạo khí thế mới thúc đẩy phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh ngay từ những ngày đầu, tháng đầu của năm mới Nhâm Dần năm 2022; phổ biến các mô hình tốt, cách làm hay, gương điển hình; đấu tranh, phản bác các thông tin xấu độc, tiêu cực, sai sự thật, cản trở công tác phòng, chống dịch bệnh, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; tạo sự đồng thuận, củng cố niềm tin của nhân dân.

b) Tiếp tục đẩy mạnh thông tin tuyên truyền quảng bá hình ảnh dân tộc, vẻ đẹp truyền thống, giá trị nhân văn của Việt Nam tới công chúng trong và ngoài nước. Cập nhật kịp thời thông tin thị trường, giá cả hàng hóa, nhất là giá các mặt hàng thiết yếu phục vụ người dân; tình hình dịch bệnh COVID-19, kịp thời thông báo diễn biến thời tiết, cảnh báo thiên tai, tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; tăng cường bản tin về tình hình giao thông trong các ngày đầu năm mới sau Tết Nguyên đán.

21 Bảo hiểm Xã hội tỉnh bám sát chủ trương, đường lối, định hướng và chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, chủ động xây dựng, triển khai linh hoạt các giải pháp, kịch bản điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ thích ứng với diễn biến, tình hình thực tế theo Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ. Đổi mới hơn nữa nội dung, hình thức, phương pháp truyền thông để người dân tiếp cận mọi thông tin về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, mở rộng các hình thức cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

22. Các sở: Công thương, Y tế; Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ban Quản lý các dự án ODA tỉnh; UBND các huyện, thành phố: Chỉ đạo, động viên các đơn vị thi công khắc phục khó khăn, ưu tiên nhân lực, thiết bị tập trung triển khai các dự án trọng điểm kết nối, có tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững *(đã được UBND tỉnh giao làm chủ đầu tư và giao kế hoạch đầu tư công thực hiện trong giai đoạn 2021 -2025)*, phấn đấu hoàn thành trước tiến độ, đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả.

23. Văn phòng UBND tỉnh tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố trong việc thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao, nhất là việc thực hiện các Nghị quyết, Đề án của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thuộc các chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng,

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV; các Nghị quyết của HĐND tỉnh và các đề án theo Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; các đề án trong chương trình công tác UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh năm 2022 và các nhiệm vụ liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19, bảo đảm an sinh xã hội, phục hồi và phát triển kinh tế, xã hội, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp... Chủ động, thường xuyên đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao của các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố, kịp thời báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xử lý, giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh, bảo đảm tất cả các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao phải được thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

24. Cán bộ, công chức, viên chức chủ động, tập trung xử lý công việc ngay từ ngày làm việc đầu tiên sau Tết Nguyên đán, nhất là những công việc tồn đọng do nghỉ Tết. Không tổ chức các hoạt động du xuân, chúc Tết làm ảnh hưởng đến công việc, thời giờ làm việc và công tác phòng, chống dịch COVID-19. Cơ quan hành chính nhà nước các cấp phải luôn sát cánh, đồng hành cùng doanh nghiệp và người dân, phát huy tinh thần trách nhiệm với phương châm lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

25. Các doanh nghiệp, các doanh nhân, hiệp hội ngành nghề và toàn thể nhân dân tiếp tục phát huy tinh thần tự lực tự cường, đổi mới sáng tạo, khắc phục khó khăn, không lùi bước trước thách thức, biến thách thức, khó khăn thành cơ hội để phấn đấu vươn lên, trưởng thành và đạt kết quả cao nhất trong hoạt động sản xuất, kinh doanh gắn với phòng, chống dịch COVID-19 an toàn, hiệu quả.

26. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội các cấp phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chung sức, chung lòng, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi, toàn diện các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của năm 2022./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Mặt trận TQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các Huyện ủy, Thành ủy (p/h);
- TT HĐND các huyện, thành phố;
- UBND các huyện, thành phố;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh (LĐ, CV, TT Thông tin);
- Lưu: VT, TH (V.Hải) 20bản.

(b/c)

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

Số: 06/CT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sơn La, ngày 07 tháng 3 năm 2022

CHỈ THỊ

Về việc tăng cường công tác quản lý quy hoạch, phát triển đô thị và trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La

Trong thời gian qua, công tác quản lý quy hoạch, quản lý phát triển đô thị, quản lý trật tự xây dựng được Chính phủ, các bộ, ngành trung ương; các cấp, các ngành trong tỉnh quan tâm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo việc phát triển đô thị, nông thôn văn minh, hiện đại theo định hướng quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, trong công tác quản lý quy hoạch, quản lý phát triển đô thị, quản lý trật tự xây dựng còn một số tồn tại như: Tình trạng vi phạm trật tự xây dựng, xây dựng không phép, không đúng theo giấy phép xây dựng, vi phạm hành lang bảo vệ các công trình thủy lợi, hành lang an toàn giao thông làm ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị, một số công trình vi phạm trật tự xây dựng nhưng chưa được xử lý kịp thời, triệt để. Chất lượng và sự kết nối của các quy hoạch còn hạn chế, tính khả thi của đồ án quy hoạch còn chưa cao.

Việc quản lý và phê duyệt quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, cấp giấy phép xây dựng đối với một số dự án chưa đạt hiệu quả cao; còn tình trạng quy hoạch chi tiết có chức năng sử dụng đất không phù hợp với quy hoạch chung; một số đồ án quy hoạch chi tiết có phạm vi nằm ngoài phạm vi quy hoạch chung; chỉ tiêu sử dụng đất, mật độ xây dựng của một số đồ án quy hoạch chi tiết không phù hợp với chỉ tiêu của đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu. Do vậy: Công tác quản lý, kiểm soát thực hiện quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng phát triển đô thị, nông thôn hiện nay là nhiệm vụ cấp thiết của xã hội, của các cấp ủy đảng và của chính quyền.

Để chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại nêu trên, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật trong quản lý quy hoạch, quản lý phát triển đô thị, quản lý trật tự xây dựng; nâng cao trách nhiệm trong việc chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành trong công tác quản lý quy hoạch, phát triển đô thị; thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chấn chỉnh công tác quy hoạch xây dựng, quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt; thực hiện việc khắc phục những tồn tại, hạn chế, khuyết điểm đã chỉ ra tại Kết luận thanh tra số 1035/KL-TTCP ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ; Kết luận số 807-KL/TU ngày 20 tháng 12

năm 2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý quy hoạch, phát triển đô thị và trật tự xây dựng; Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh về kiểm điểm, khắc phục, sửa chữa những khuyết điểm, vi phạm theo Thông báo kết luận giám sát số 164-TB/UBND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các cấp, các ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Sở Xây dựng

1.1. Rà soát các quy định liên quan về quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị, trật tự xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020, Luật Quy hoạch năm 2017, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018, Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành để kịp thời tham mưu với UBND tỉnh ban hành các quy định chi tiết theo thẩm quyền hoặc chỉnh sửa, bổ sung các quy định đã ban hành cho phù hợp với các quy định của văn bản quy phạm pháp luật cấp trên và điều kiện thực tế của địa phương.

1.2. Lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất theo thứ bậc từ quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng và cụ thể hóa trong quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư cụ thể; đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; quản lý, sử dụng đất để phát triển đô thị theo đúng quy định pháp luật. Lập Chương trình phát triển đô thị cấp tỉnh, Chương trình phát triển đô thị từng đô thị, khu vực phát triển đô thị theo hướng bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường công tác rà soát các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị, chương trình phát triển nhà ở; kịp thời báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị, chương trình phát triển nhà ở, khu vực phát triển đô thị, quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị cho phù hợp các văn bản quy phạm pháp luật, phù hợp điều kiện thực tiễn của địa phương. Hướng dẫn các địa phương rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị liên quan.

1.3. Thực hiện nghiêm túc quy định pháp luật và các quy định của địa phương về việc lấy ý kiến của người dân, cộng đồng, cơ quan tổ chức có liên quan khi lập, điều chỉnh quy hoạch. Tăng cường sự giám sát của nhân dân, cơ quan dân cử, Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trong công tác phát triển đô thị, quản lý trật tự xây dựng đô thị. Tăng cường kiểm soát quá trình phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch. Rà soát, cắt bỏ các thủ tục hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng và phát triển đô thị. Nâng cao chất lượng công tác đấu thầu để đảm bảo lựa chọn được đơn vị tư vấn lập quy hoạch có đủ năng lực.

1.4. Sớm hoàn thiện các đồ án quy hoạch

Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện vùng cao, biên giới tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện dọc lòng hồ sông Đà trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện dọc Quốc lộ 6 trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch các đô thị; trên cơ sở quy hoạch, đề xuất quản lý, tổ chức triển khai đảm bảo đồng bộ, tạo cảnh quan đô thị văn minh hiện đại.

1.5. Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố hướng dẫn UBND các xã, phường, thị trấn về công tác quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý phát triển đô thị, quản lý trật tự xây dựng, đảm bảo các công trình xây dựng trên địa bàn theo đúng quy hoạch được duyệt.

1.6. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng để các tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định của pháp luật; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, pháp luật về xây dựng cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý xây dựng trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác cải cách thủ tục hành chính, giải quyết các thủ tục liên quan đến công tác quản lý quy hoạch, trật tự xây dựng và phát triển đô thị.

1.7. Chủ trì, phối hợp với sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố thực hiện tốt quy chế phối hợp trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch và quản lý quy hoạch xây dựng; quy chế phối hợp trong quản lý trật tự xây dựng; tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch và quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý phát triển đô thị, quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh.

1.8. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đôn đốc UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn; xử lý các sai phạm về trật tự xây dựng, đình chỉ thi công xây dựng công trình, quyết định cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng; báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm theo quy định.

1.9. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu quản lý quy hoạch, cung cấp thông tin quy hoạch trực tuyến trên nền tảng hệ thống công nghệ thông tin địa lý toàn cầu, điện toán đám mây trên địa bàn tỉnh Sơn La; từng bước thiết lập hệ thống theo dõi, giám sát quá trình phát triển đô thị theo các bộ chỉ tiêu về xây dựng đô thị tăng trưởng xanh, phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Đề nghị Ban Thường vụ thành ủy, huyện ủy các huyện, thành phố

2.1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác lập quy hoạch và xác định là nhiệm vụ chính trị quan trọng trong năm 2022 và những năm tiếp theo; công tác quy hoạch phải đi trước một bước, bám sát và cụ thể hóa một bước Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh; Đại hội Đảng bộ các huyện, thành phố; có quy hoạch

tốt mới có đề án, dự án tốt, thu hút nhà đầu tư tốt và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư; do vậy các đồng chí Bí thư huyện ủy, thành ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt công tác lập quy hoạch đảm bảo chất lượng, tiến độ theo Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1398/QĐ-TTg ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ đối với lĩnh vực xây dựng.

2.2. Chỉ đạo việc tổ chức kiểm tra thực hiện chức trách, nhiệm vụ của các phòng, ban liên quan, UBND các xã, phường, thị trấn được giao nhiệm vụ quản lý quy hoạch, quản lý đất đai và trật tự xây dựng trên địa bàn;

2.3. Xem xét trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu để xảy ra tình trạng buông lỏng quản lý vi phạm pháp luật về quy hoạch xây dựng, quản lý đất đai, trật tự xây dựng nhưng không được xử lý hoặc xử lý không triệt để, dứt điểm gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước, tiến độ thực hiện các dự án, ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư trên địa bàn.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

3.1. Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định của Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị và các văn bản hướng dẫn về quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng, quản lý xây dựng theo giấy phép xây dựng.

3.2. Chủ động rà soát, điều chỉnh các quy hoạch xây dựng đã đến thời hạn rà soát theo quy định, không khả thi và không còn phù hợp với định hướng phát triển của địa phương. Nâng cao chất lượng lập quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị làm cơ sở cho việc quản lý phát triển đô thị và quản lý trật tự xây dựng. Thực hiện nghiêm việc công bố, công khai các đồ án quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt, đặc biệt là các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, đồng thời tổ chức cắm mốc giới tại thực địa theo quy định để người dân, tổ chức và doanh nghiệp biết, thực hiện và giám sát thực hiện theo quy hoạch.

3.3. Tăng cường đôn đốc, chỉ đạo Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến nhân dân các quy định của pháp luật trong hoạt động xây dựng; nâng cao ý thức, nhận thức của cộng đồng về chấp hành trật tự xây dựng; thực hiện nghiêm túc quy định pháp luật về việc lấy ý kiến của cộng đồng dân cư, chính quyền địa phương khi lập, điều chỉnh quy hoạch. Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm về các sai phạm trong hoạt động đầu tư phát triển đô thị, quy hoạch trên địa bàn trong phạm vi được phân cấp quản lý.

3.4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, kiểm tra, rà soát, phát hiện kịp thời, kiên quyết xử lý các và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về đất đai và trật tự xây dựng; khắc phục tình trạng xử phạt nhưng vẫn để tồn tại, đồng thời xử lý nghiêm và kiên quyết thực hiện tháo dỡ công trình vi phạm theo quy định. Quy định trách nhiệm cụ thể cho từng tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn, kiên quyết thực hiện kiểm điểm, kỷ luật các tổ

chức, cá nhân có liên quan trong việc cấp giấy phép xây dựng sai với quy định, để xảy ra vi phạm trật tự xây dựng mà không xử lý hoặc không xử lý kịp thời; rà soát tất cả các công trình xây dựng thuộc đối tượng phải cấp giấy phép xây dựng theo thẩm quyền để thực hiện cấp giấy phép xây dựng theo quy định. Xử lý các công trình xây dựng vi phạm trên địa bàn theo thẩm quyền và kịp thời báo cáo, trình Chủ tịch UBND tỉnh xử lý đối với các trường hợp vượt thẩm quyền.

3.5. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác thẩm định các đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền, đảm bảo đồ án khi được phê duyệt đạt chất lượng cao, phục vụ tốt cho công tác quản lý theo quy hoạch cũng như đầu tư xây dựng, hạn chế tối đa việc điều chỉnh quy hoạch được duyệt. Kiện toàn và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác quản lý trật tự xây dựng tại các xã, phường, thị trấn.

3.6. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thường xuyên hướng dẫn, tổ chức tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác quản lý xây dựng và trật tự xây dựng cấp xã, phường, thị trấn.

3.7. Tổ chức triển khai Chỉ thị này đến các xã, phường, thị trấn, tổ, bản, khu dân cư để nhân dân biết và giám sát việc thực hiện của chính quyền các cấp.

4. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (cấp xã)

4.1. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND cấp huyện về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn.

4.2. Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban chuyên môn của huyện và các tổ chức trong hệ thống chính trị ở địa phương thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về xây dựng, vận động và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự xây dựng trên địa bàn.

4.3. Chỉ đạo, điều hành trực tiếp cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn, thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình xây dựng trên địa bàn, kịp thời phát hiện, lập hồ sơ xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng theo quy định của pháp luật, xử lý vi phạm hoặc trình Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành các quyết định xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng vượt thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã theo quy định của pháp luật.

4.4. Tổ chức tiếp nhận, lưu trữ hồ sơ vi phạm về trật tự xây dựng và ban hành các quyết định xử lý vi phạm theo thẩm quyền; kịp thời chuyển hồ sơ và kiến nghị Chủ tịch UBND cấp huyện xử lý đối với các trường hợp vượt thẩm quyền; tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế xử lý vi phạm do cấp có thẩm quyền ban hành để xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật.

4.5. Tổ chức thực hiện áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định để kịp thời ngăn chặn đối với các công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng, không để vi phạm tiếp diễn sau khi đã có biên bản vi phạm hành chính hoặc quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền.

4.6. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và tổ chức thực hiện kết luận kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm trật tự xây dựng của cấp có thẩm quyền đối với các công trình xây dựng trên địa bàn theo quy định.

4.7. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu, hồ sơ vi phạm theo đề nghị của Thanh tra Sở Xây dựng, UBND cấp huyện để phục vụ cho hoạt động thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và cử công chức tham gia phối hợp khi có yêu cầu.

4.8. Tiếp nhận thông báo khởi công và xác nhận “đã tiếp nhận thông báo khởi công” của các chủ đầu tư, kể cả các chủ đầu tư thuộc diện miễn giấy phép xây dựng; lập hồ sơ trích ngang các công trình xây dựng trên địa bàn để theo dõi, quản lý.

4.9. Báo cáo đầy đủ và chính xác tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn định kỳ hoặc đột xuất theo quy định hiện hành.

4.10. Xử lý hoặc kiến nghị Chủ tịch UBND cấp huyện xử lý đối với những cán bộ, công chức dưới quyền không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng. Đề xuất Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành biện pháp cần thiết, phù hợp thực tế nhằm quản lý trật tự xây dựng có hiệu quả.

5. Các Sở, ngành liên quan

5.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các sở ngành, địa phương

- Cân đối nguồn lực, xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm đảm bảo bố trí đủ nguồn vốn để đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong đô thị; quan tâm, ưu tiên đầu tư các công trình quan trọng, trọng điểm, thu hút vốn đầu tư tư, làm động lực phát triển kinh tế xã hội theo Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 24 tháng 9 năm 2020 Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XV.

- Thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, xúc tiến thu hút đầu tư, thẩm định chủ trương đầu tư, lựa chọn các nhà đầu tư đảm bảo năng lực đầu tư.

- Nâng cao chất lượng công tác đấu thầu để đảm bảo lựa chọn được đơn vị tư vấn thiết kế quy hoạch, kiến trúc đủ kinh nghiệm, năng lực để có những đồ án đáp ứng được yêu cầu trong dài hạn; lựa chọn chủ đầu tư có năng lực kinh nghiệm và tài chính để triển khai các dự án phát triển đô thị.

5.2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các phòng chuyên môn và UBND xã, phường, thị trấn trong việc quản lý, sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Chỉ đạo Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp chặt chẽ với lực lượng Thanh tra Sở Xây dựng, Thanh tra các huyện, thành phố tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý kịp thời các trường hợp san, lấp mặt bằng, xây dựng công trình trái phép trên đất không đúng quy định, không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

5.3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và UBND các huyện, thành phố hướng dẫn triển khai thực hiện Quy hoạch quảng cáo ngoài trời, Chỉ đạo Thanh tra Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp Thanh tra Sở Xây dựng, Thanh tra các huyện, thành phố tăng cường kiểm tra, xử lý kịp thời các trường hợp lắp đặt biển quảng cáo không đúng quy định, gây mất an toàn và mỹ quan đô thị.

5.4. Sở Giao thông Vận tải chỉ đạo Thanh tra Sở thường xuyên phối hợp với Thanh tra Sở Xây dựng, UBND các xã phường, thị trấn và UBND các huyện, thành phố kiểm tra phát hiện, ngăn chặn, xử lý các vi phạm xây dựng nhà ở, các công trình xây dựng trái phép khác trong phạm vi hành lang an toàn giao thông đường bộ.

5.5. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền để nâng cao ý thức, nhận thức của các tầng lớp nhân dân trong việc thực hiện pháp luật về quy hoạch, trật tự xây dựng.

5.6. Sở Tư pháp phối hợp với Sở Xây dựng, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật hàng năm nhằm tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quy hoạch xây dựng cho các tổ chức, công dân, nhằm nâng cao ý thức cộng đồng chấp hành các quy định pháp luật về xây dựng.

5.7. Công an tỉnh

- Tham gia, phối hợp với Sở Xây dựng, UBND cấp huyện, cơ quan có thẩm quyền trong công tác quản lý trật tự xây dựng, xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng theo chức năng, nhiệm vụ của Ngành.

- Tăng cường công tác phối hợp thẩm định nâng cao chất lượng quy hoạch phòng cháy, chữa cháy trong các đồ án quy hoạch xây dựng.

- Chỉ đạo Công an các huyện, thành phố, Công an xã, phường, thị trấn tham gia, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để kịp thời ngăn chặn, xử lý đối với các công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng, không để vi phạm tiếp diễn sau khi đã có biên bản vi phạm hành chính hoặc quyết định xử lý của các cấp có thẩm quyền, đảm bảo trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5.8. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở ngành địa phương cân đối bố trí nguồn vốn cho công tác quy hoạch xây dựng, công tác lựa chọn chủ đầu tư các dự án phát triển đô thị, nhà ở trên địa bàn tỉnh.

5.9. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố có liên quan xem xét rà soát, điều chỉnh tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của UBND các huyện, thành phố trong công tác quản

lý quy hoạch, đất đai và trật tự xây dựng đảm bảo minh bạch, chi tiết, đầy đủ và chính xác. Đề xuất với Ban cán sự đảng UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy về trách nhiệm và xem xét trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu để xảy ra tình trạng buông lỏng quản lý quy hoạch, đất đai, trật tự xây dựng.

5.10. Các sở, ban ngành khác trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm chỉ đạo lực lượng Thanh tra của ngành thường xuyên phối hợp với Thanh tra Sở Xây dựng trong công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh.

5.11. Các cơ quan báo chí, Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh; Đài Tiếng nói Việt Nam khu vực Tây Bắc tổ chức triển khai Chỉ thị này trên các phương tiện thông tin (*báo, đài, truyền hình*) để các tổ chức, cá nhân và nhân dân biết, chấp hành. Tăng cường chỉ đạo đưa tin, bài phản ánh các vi phạm trong quản lý quy hoạch, đất đai, trật tự xây dựng và phát triển đô thị.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các tổ chức thành viên đẩy mạnh tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về quy hoạch, trật tự xây dựng gắn với thực hiện công cuộc “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”; tăng cường công tác giám sát và phản biện xã hội trong việc quản lý quy hoạch, đất đai, trật tự xây dựng và phát triển đô thị theo hướng bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu; giữ gìn và phát huy bản sắc truyền thống vùng Tây Bắc.

7. Tổ chức thực hiện

7.1. Giao các sở, ngành; UBND các huyện, thành phố tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này.

7.2. Giao Sở Xây dựng chủ trì giúp Chủ tịch UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc và tổng hợp tình hình, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- UB MTTQ Việt Nam tỉnh Sơn La;
- Chủ tịch, Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Công An tỉnh, Bộ CHQS tỉnh; Bộ CHBĐBP tỉnh;
- Các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Sơn La, Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh, Đài Tiếng nói Việt Nam;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu VT, NC, TH, KGVX, KT-Q,10b.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com